

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24 /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 20 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, khu phố và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 3001/TTr-UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, khu phố và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1. Sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố.

a) Thành phố Đông Hà.

- Sắp xếp, sáp nhập 37 khu phố thành 16 khu phố, giảm 21 khu phố; giữ nguyên 46 khu phố.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, thành phố Đông Hà giảm từ 83 khu phố xuống còn 62 khu phố.

b) Thị xã Quảng Trị.

- Sắp xếp, sáp nhập 02 thôn thành 01 thôn, giảm 01 thôn; giữ nguyên 03 thôn. Sắp xếp, sáp nhập 05 khu phố thành 02 khu phố, giảm 03 khu phố; giữ nguyên 17 khu phố.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, thị xã Quảng Trị giảm từ 27 thôn, khu phố (05 thôn, 22 khu phố) xuống còn 23 thôn, khu phố (04 thôn, 19 khu phố).

c) Huyện Hải Lăng.

- Sắp xếp, sáp nhập 43 thôn thành 18 thôn, giảm 25 thôn; giữ nguyên 49 thôn. Sắp xếp, sáp nhập 04 xóm thành 02 xóm, giảm 02 xóm; giữ nguyên 02 xóm.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, huyện Hải Lăng giảm từ 98 thôn, xóm (92 thôn, 06 xóm) xuống còn 71 thôn, xóm (67 thôn, 04 xóm).

d) Huyện Đakrông.

- Sắp xếp, sáp nhập 53 thôn thành 26 thôn, giảm 27 thôn; giữ nguyên 45 thôn. Giữ nguyên 05 xóm không sáp nhập.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, huyện Đakrông giảm từ 103 thôn, xóm (98 thôn, 05 xóm) xuống còn 76 thôn, xóm (71 thôn, 05 xóm).

e) Huyện Hướng Hóa.

- Sắp xếp, sáp nhập 81 thôn thành 39 thôn, giảm 42 thôn; giữ nguyên 91 thôn. Sắp xếp, sáp nhập 02 khu phố thành 01 khu phố, giảm 01 khu phố; giữ nguyên 18 khu phố.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, huyện Hướng Hóa giảm từ 192 thôn, khu phố (172 thôn, 20 khu phố) xuống còn 149 thôn, khu phố (130 thôn, 19 khu phố).

g) Huyện Gio Linh.

- Sắp xếp, sáp nhập 58 thôn thành 25 thôn, giảm 33 thôn; giữ nguyên 56 thôn. Sắp xếp, sáp nhập 06 khu phố thành 03 khu phố, giảm 03 khu phố; giữ nguyên 13 khu phố.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, huyện Gio Linh giảm từ 133 thôn, khu phố (114 thôn, 19 khu phố) xuống còn 97 thôn, khu phố (81 thôn, 16 khu phố).

h) Huyện Cam Lộ.

- Sắp xếp, sáp nhập 40 thôn thành 20 thôn, giảm 20 thôn; giữ nguyên 51 thôn. Sắp xếp, sáp nhập 09 khu phố thành 04 khu phố, giảm 05 khu phố; giữ nguyên 05 khu phố.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, huyện Cam Lộ giảm từ 105 thôn, khu phố (91 thôn, 14 khu phố) xuống còn 80 thôn, khu phố (71 thôn, 09 khu phố).

i) Huyện Triệu Phong.

- Sắp xếp, sáp nhập 90 thôn thành 37 thôn, giảm 53 thôn; giữ nguyên 50 thôn. Sắp xếp, sáp nhập 02 khu phố thành 01 khu phố, giảm 01 khu phố; giữ nguyên 04 khu phố.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập, huyện Triệu Phong giảm từ 146 thôn, khu phố (140 thôn, 06 khu phố) xuống còn 92 thôn, khu phố (87 thôn, 05 khu phố).

k) Huyện Vĩnh Linh.

- Sắp xếp, sáp nhập 51 thôn thành 24 thôn, giảm 27 thôn; giữ nguyên 95 thôn. Sắp xếp, sáp nhập 34 khu phố thành 15 khu phố, giảm 19 khu phố; giữ nguyên 15 khu phố.

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập huyện Vĩnh Linh giảm từ 195 thôn khu phố (146 thôn, 49 khu phố) xuống còn 149 thôn, khu phố (119 thôn, 30 khu phố).

l) Sau khi sắp xếp, sáp nhập, toàn tỉnh giảm từ 1.082 thôn, khu phố (858 thôn, 224 khu phố) còn lại 799 thôn, khu phố (630 thôn, 169 khu phố), giảm 283 thôn, khu phố (giảm 228 thôn và 55 khu phố).

2. Đổi tên thôn, khu phố.

a) Đổi tên các khu phố thuộc phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà:

- Khu phố 9 thành khu phố 1.

- Khu phố 1A thành khu phố Lương An.

- Khu phố 1B thành khu phố Phương Gia

- Khu phố 5 thành khu phố Lập Thạch.

b) Đổi tên các khóm thuộc thị trấn Hải Lăng, huyện Hải Lăng:

- Khóm 3 thành khóm 7.

- Khóm 6 thành khóm 9.

c) Đổi tên các thôn thuộc xã A Vao và xã Tà Long, huyện Đakrông:

- Thôn Ro Ró 1, xã A Vao thành thôn Ra Ró, xã A Vao.

- Thôn Sa Ta, xã Tà Long thành thôn Xi Pa, xã Tà Long.

(Có danh mục các thôn, khu phố sắp xếp, sáp nhập và đổi tên kèm theo).

Điều 2. Hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố đang công tác dôi dư sau sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1. Các chức danh như: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Khu phố trưởng, Công an viên theo Nghị quyết 26/2013/NQ-NQHĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh “Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố” được hỗ trợ bằng mức phụ cấp hiện hưởng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Sử dụng kinh phí ngân sách đã bố trí trong năm 2019 để chi trả phụ cấp cho các chức danh quy định tại khoản 1, Điều này. Trường hợp một người đảm

nhận 02 chức danh hoạt động không chuyên trách, khi nghỉ việc chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ đối với chức danh có mức phụ cấp cao nhất.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc hỗ trợ một phần kinh phí trong nguồn kinh phí đã bố trí khoản quỹ phụ cấp trong năm 2019 cho Ban Công tác Mặt trận và Chi hội các đoàn thể ở thôn, khu phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. /.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ; Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH tỉnh, VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Quảng Trị, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng



Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CAM LỘ

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
I	Xã Cam Nghĩa					
1	Thôn Tân Sơn	62	Sáp nhập thôn Tân Sơn (62 hộ) và thôn Bảng Sơn 1 (83 hộ)	Thôn Bảng Sơn	145	
2	Thôn Bảng Sơn 1	83				
3	Thôn Đông Lai	51	Sáp nhập thôn Đông Lai (51 hộ) và thôn Bảng Sơn 2 (115 hộ)	Thôn Bảng Đông	166	
4	Thôn Bảng Sơn 2	115				
5	Thôn Quạt Xá	84	Giữ nguyên	Thôn Quạt Xá	84	
6	Thôn Hoàn Cát	141	Giữ nguyên	Thôn Hoàn Cát	141	
7	Thôn Thượng Nghĩa	126	Giữ nguyên	Thôn Thượng Nghĩa	126	
8	Thôn Cam Lộ Phường	81	Giữ nguyên	Thôn Cam Lộ Phường	81	
9	Thôn Bảng Sơn 3	167	Giữ nguyên	Thôn Bảng Sơn 3	167	
10	Thôn Phương An 1	135	Giữ nguyên	Thôn Phương An 1	135	
11	Thôn Phương An 2	203	Giữ nguyên	Thôn Phương An 2	203	
12	Thôn Cu Hoan	128	Giữ nguyên	Thôn Cu Hoan	128	
13	Thôn Nghĩa Phong	130	Giữ nguyên	Thôn Nghĩa Phong	130	
14	Thôn Định Sơn	146	Giữ nguyên	Thôn Định Sơn	146	
II	Xã Cam Chính					
1	Thôn Minh Hương	36	Sáp nhập thôn Minh Hương (36 hộ) và thôn Tân Chính (65 hộ)	Thôn Minh Chính	101	
2	Thôn Tân Chính	65				
3	Thôn Cồn Trung	81	Sáp nhập thôn Cồn Trung (81 hộ) và thôn Lộc An (112 hộ)	Thôn An Trung	193	
4	Thôn Lộc An	112				
5	Thôn Sơn Nam	48	Sáp nhập thôn Sơn Nam (48 hộ) và thôn Thanh Nam (38 hộ)	Thôn Sơn Thanh	86	
6	Thôn Thanh Nam	38				

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
7	Thôn Mai Lộc 3	94	Sáp nhập thôn Mai Lộc 3 (94 hộ) và thôn Trung Chi (71 hộ)	Thôn Mai Trung	165	
8	Thôn Trung Chi	71				
9	Thôn Thiết Xá	102	Sáp nhập thôn Thiết Xá (102 hộ) và thôn Thượng Nghĩa (57 hộ)	Thôn Đoàn Kết	159	
10	Thôn Thượng Nghĩa	57				
11	Thôn Mai Lộc 2	151	Giữ nguyên	Thôn Mai Lộc 2	151	
12	Thôn Mai Đàn	131	Giữ nguyên	Thôn Mai Đàn	131	
13	Thôn Đốc Kinh	245	Giữ nguyên	Thôn Đốc Kinh	245	
14	Thôn Mai Lộc 1	204	Giữ nguyên	Thôn Mai Lộc 1	204	
III	Xã Cam Thành					
1	Thôn Phước Tuyền	28	Sáp nhập thôn Phước Tuyền (29 hộ) và thôn Ngô Đồng (107 hộ)	Thôn An Phước	138	
2	Thôn Ngô Đồng	110				
3	Thôn Cam Phú 1	83	Sáp nhập thôn Cam Phú 1 (83 hộ) và thôn Cam Phú 2 (117 hộ)	Thôn Cam Phú	200	
4	Thôn Cam Phú 2	117				
5	Thôn Phan Xá	145	Sáp nhập thôn Phan Xá (140 hộ) và thôn Phương Cội (90 hộ)	Thôn Phan Xá Phường	234	
6	Thôn Phương Cội	89				
7	Thôn Tân Mỹ	85	Sáp nhập thôn Tân Mỹ (84 hộ), thôn Tân Tường (97 hộ) và (11 hộ) là xóm mới thuộc thôn Quạt Xá	Thôn Mỹ Tường	196	
8	Thôn Tân Tường	100				
9	Thôn Tân Xuân 1	167	Giữ nguyên	Thôn Tân Xuân 1	167	
10	Thôn Tân Xuân 2	185	Giữ nguyên	Thôn Tân Xuân 2	185	
11	Thôn Tân Trang	145	Giữ nguyên	Thôn Tân Trang	145	
12	Thôn Tân Định	146	Giữ nguyên	Thôn Tân Định	146	
13	Thôn Cam Phú 3	132	Giữ nguyên	Thôn Cam Phú 3	132	
14	Thôn Tân Phú	127	Giữ nguyên	Thôn Tân Phú	127	
15	Thôn Thượng Lâm	265	Giữ nguyên	Thôn Thượng Lâm	265	
16	Thôn Quạt Xá	293	Giữ nguyên	Thôn Quạt Xá	282	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
IV	Xã Cam Tuyền					
1	Thôn Đâu Bình 1	67	Sáp nhập thôn Đâu Bình 1 (67 hộ) và thôn Đâu Bình 2 (37 hộ)	Thôn Đâu Bình	104	
2	Thôn Đâu Bình 2	37				
3	Thôn Xuân Mỹ	59	Sáp nhập thôn Xuân Mỹ (59 hộ) và thôn Bắc Bình (102 hộ)	Thôn Bình Mỹ	161	
4	Thôn Bắc Bình	102				
5	Thôn Tân Hiệp	261	Giữ nguyên	Thôn Tân Hiệp	261	
6	Thôn Ba Thung	202	Giữ nguyên	Thôn Ba Thung	202	
7	Thôn An Mỹ	185	Giữ nguyên	Thôn An Mỹ	185	
8	Thôn Bàn Chùa	79	Giữ nguyên	Thôn Bàn Chùa	79	
9	Thôn Tân Quang	52	Giữ nguyên	Thôn Tân Quang	52	
10	Thôn Tân Hòa	154	Giữ nguyên	Thôn Tân Hòa	154	
11	Thôn An Thái	103	Giữ nguyên	Thôn An Thái	100	
12	Thôn Tân Lập	107	Giữ nguyên	Thôn Tân Lập	100	
V	Thị trấn Cam Lộ					
1	Khu phố 1	319	Giữ nguyên	Khu phố 1	319	
2	Khu phố 2	236	Giữ nguyên	Khu phố 2	236	
3	Khu phố 3	314	Giữ nguyên	Khu phố 3	314	
4	Khu phố 4	195	Giữ nguyên	Khu phố 4	195	
5	KP Đông Định	142	Sáp nhập Khu phố Đông Định (142 hộ) và khu phố Thượng Nguyên (87 hộ)	Khu phố 5	229	
6	KP Thượng Nguyên	87				
7	Khu phố Trung Viên	83	Sáp nhập khu phố Trung Viên (83 hộ) và khu phố Hậu Viên (70 hộ)	Khu phố 6	153	
8	Khu phố Hậu Viên	70				
9	Khu phố Thượng Viên	85	Sáp nhập khu phố Tây Hòa (85 hộ) và khu phố Thượng Viên (99 hộ)	Khu phố 7	174	
10	Khu phố Tây Hòa	89				
11	Khu phố An Hưng	275	Giữ nguyên	Khu phố 8	275	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
12	Khu phố Nam Hùng	78	Sáp nhập Khu phố Nam Hùng (78 hộ), khu phố Nghĩa Hy (75 hộ) và khu phố Thiết Tràng (115 hộ)	Khu phố 9	268	
13	Khu phố Nghĩa Hy	75				
14	Khu phố Thiết Tràng	115				
VI	Xã Cam Thủy					
1	Thôn Thiện Chánh	53	Sáp nhập thôn Thiện Chánh (53 hộ) và thôn Thọ Xuân (42 hộ)	Thôn Thiện Chánh -Thọ Xuân	95	
2	Thôn Thọ Xuân	42				
3	Thôn Tân Xuân	127	Giữ nguyên	Thôn Tân Xuân	127	
4	Thôn Cam Vũ 1	146	Giữ nguyên	Thôn Cam Vũ 1	146	
5	Thôn Cam Vũ 2	156	Giữ nguyên	Thôn Cam Vũ 2	156	
6	Thôn Cam Vũ 3	136	Giữ nguyên	Thôn Cam Vũ 3	136	
7	Thôn Lâm Lang 1	127	Giữ nguyên	Thôn Lâm Lang 1	127	
8	Thôn Lâm Lang 2	167	Giữ nguyên	Thôn Lâm Lang 2	167	
9	Thôn Lâm Lang 3	206	Giữ nguyên	Thôn Lâm Lang 3	206	
10	Thôn Tam Hiệp	194	Giữ nguyên	Thôn Tam Hiệp	194	
11	Thôn Nhật Lệ	93	Giữ nguyên	Thôn Nhật Lệ	93	
VII	Xã Cam Hiếu					
1	Thôn Tân Hiếu	86	Sáp nhập thôn Tân Hiếu (86 hộ) và thôn Vĩnh Đại (141 hộ)	Thôn Nam Hiếu 1	227	
2	Thôn Vĩnh Đại	141				
3	Thôn Đường 9	187	Sáp nhập thôn Đường 9 (187 hộ) và thôn Tân Trúc (93 hộ)	Thôn Nam Hiếu 2	280	
4	Thôn Tân Trúc	93				
5	Thôn Thạch Đầu	45	Sáp nhập thôn Thạch Đầu (45 hộ) và thôn Vĩnh An (339 hộ)	Thôn Nam Hiếu 3	384	
6	Thôn Vĩnh An	339				
7	Thôn Trương Xá	188	Giữ nguyên	Thôn Trương Xá	188	
8	Thôn Mộc Đức	143	Giữ nguyên	Thôn Mộc Đức	143	
9	Thôn Bích Giang	300	Giữ nguyên	Thôn Bích Giang	300	
10	Thôn Định Xá	240	Giữ nguyên	Thôn Định Xá	240	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
VIII	Xã Cam An					
1	Thôn Mỹ Hòa	150	Sáp nhập thôn thôn Mỹ Hòa (150 hộ) và thôn Xuân Khê (20 hộ)	Thôn Mỹ Xuân	170	
2	Thôn Xuân Khê	20				
3	Thôn Cẩm Thạch	129	Sáp nhập thôn Cẩm Thạch (129 hộ) và thôn An Xuân (59 hộ)	Thôn An Thạch	188	
4	Thôn An Xuân	59				
5	Thôn Kim Đâu + Xóm Mãi Đề	490	Sáp nhập thôn Kim Đâu + Xóm Mãi Đề (490 hộ) và thôn Phở Lại Phường (13 hộ)	Thôn Kim Đâu	503	
6	Thôn Phở Lại Phường	13				
7	Thôn Phi Thừa	85	Giữ nguyên	Thôn Phi Thừa	85	
8	Thôn Phú Hậu	137	Giữ nguyên	Thôn Phú Hậu	137	
9	Thôn Trúc Khê	194	Giữ nguyên	Thôn Trúc Khê	194	
10	Thôn Trúc Kinh	211	Giữ nguyên	Thôn Trúc Kinh	211	
11	Thôn Phở Lại	296	Giữ nguyên	Thôn Phở Lại	296	
IX	Xã Cam Thanh					
1	Thôn Phú Ngạn	168	Giữ nguyên	Thôn Phú Ngạn	168	
2	Thôn Cam Lộ	191	Giữ nguyên	Thôn Cam Lộ	191	
3	Thôn An Bình	488	Giữ nguyên	Thôn An Bình	488	



Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP VÀ ĐỔI TÊN THÔN, KHÓM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAKRÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, nhóm	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên thôn, nhóm mới	Số hộ	
I	Xã Hướng Hiệp					
1	Phú An	195	Giữ nguyên	Phú An	195	
2	Xa Rúc	103	Giữ nguyên	Xa Rúc	103	
3	Xa Vi	125	Giữ nguyên	Xa Vi	125	
4	Ruộng	189	Giữ nguyên	Ruộng	189	
5	Ra Lu	223	Giữ nguyên	Ra Lu	223	
6	Hà Bạc	97	Sáp nhập thôn Hà Bạc (97 hộ) và thôn Khe Van (68 hộ) và thôn Khe Hiên (33 hộ)	Khe Hà	198	
7	Khe Van	68				
8	Khe Hiên	33				
9	Pa Loang	70	Sáp nhập thôn Pa Loang (70 hộ) và thôn Kreng (143 hộ)	Gia Giã	213	
10	Kreng	143				
II	Thị trấn Krông Klang					
1	Khóm 1	283	Giữ nguyên	Khóm 1	283	
2	Khóm 2	289	Giữ nguyên	Khóm 2	289	
3	Khe Xong	206	Giữ nguyên	Khe Xong	206	
4	A Rông	132	Giữ nguyên	A Rông	132	
5	Làng Cát	122	Giữ nguyên	Làng Cát	122	
III	Xã Mô Ó					
1	Phú Thiêng	104	Giữ nguyên	Phú Thiêng	104	
2	Phú Thành	132	Giữ nguyên	Phú Thành	132	

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, xóm	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên thôn, xóm mới	Số hộ	
3	Khe Luồi	78	Giữ nguyên	Khe Luồi	78	
4	Khe Lặn	83	Sáp nhập thôn Khe Lặn (83 hộ) và thôn Ba Rầu (76 hộ)	Đồng Đờng	159	
5	Ba Rầu	76				
IV	Xã Triệu Nguyên					
1	Xuân Lâm	162	Giữ nguyên	Xuân Lâm	162	
2	Na Nấm	150	Sáp nhập thôn Na Nấm (150 hộ) và thôn Vạn Na Nấm (12 hộ)	Na Nấm	162	
3	Vạn Na nấm	12				
V	Xã Ba Lòng					
1	Khe Cau	54	Sáp nhập thôn Khe Cau (54 hộ) và thôn Mai Sơn (81 hộ) và thôn Cây Chanh (41 hộ)	Mai Sơn	176	
2	Mai Sơn	81				
3	Cây Chanh	41				
4	Lương Hạ	65	Sáp nhập thôn Lương Hạ (65 hộ) và thôn Hà Vung (75 hộ) và ghép cụm di dân tránh lũ (70 hộ)	Hà Lương	210	
5	Hà Vung	75				
	Cụm di dân tránh lũ	70				
6	Đá Nổi	83	Sáp nhập thôn Đá Nổi (83 hộ) và thôn Vạn Đá Nổi (33 hộ)	Đá Nổi	116	
7	Vạn Đá Nổi	33				
8	Thạch Xá	46	Sáp nhập thôn Thạch Xá (46 hộ) và thôn Văn Vận (73 hộ) và thôn Tân Trà (91 hộ)	Tân Xá	210	
9	Văn Vận	73				
10	Tân Trà	91				
VI	Xã Hải Phúc					
1	Tà Lang	75	Giữ nguyên	Tà Lang	75	
2	Thôn 5	58	Sáp nhập thôn 5 (58 hộ) và thôn Văn Vận (28 hộ)	Thôn 5	86	
3	Văn Vận	28				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, xóm	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên thôn, xóm mới	Số hộ	
VII	Xã Đakrông					
1	Khe Ngài	159	Giữ nguyên	Khe Ngài	159	
2	Làng Cát	185	Giữ nguyên	Làng Cát	185	
3	Klu	150	Giữ nguyên	Klu	150	
4	Xa Lãng	105	Giữ nguyên	Xa Lãng	105	
5	Pa Tầng	103	Giữ nguyên	Pa Tầng	103	
6	Tà Lêng	116	Giữ nguyên	Tà Lêng	116	
7	Cu Pua	75	Sáp nhập thôn Cu Pua (75 hộ) và thôn Vùng Kho (170 hộ)	Vùng Kho	245	
8	Vùng Kho	170				
9	Ba Ngào	56	Sáp nhập thôn Ba Ngào (56 hộ) và thôn Chân Rò (115 hộ)	Chân Rò	171	
10	Chân Rò	115				
VIII	Xã Bá Nang					Xã B. Giới
1	Ba Nang	109	Giữ nguyên	Ba Nang	109	
2	Đá Bàn	80	Giữ nguyên	Đá Bàn	80	
3	Ngược	34	Giữ nguyên	Ngược	34	
4	A La	66	Sáp nhập thôn A La (66 hộ) và thôn Tà Rọc (87 hộ)	Ra Lây	153	
5	Tà Rọc	87				
6	Trâm	53	Sáp nhập thôn Trâm (53 hộ) và thôn Cóc (42 hộ)	Sa Trâm	95	
7	Cóc	42				
8	Tà Mên	90	Sáp nhập thôn Tà Mên (90 hộ) và thôn Bù (44 hộ)	Ra Poong	134	
9	Bù	44				
IX	Xã Tà Long					Xã B. Giới

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, xóm	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên thôn, xóm mới	Số hộ	
1	Pa Hy	169	Giữ nguyên	Pa Hy	169	
2	Tà Lao	88	Giữ nguyên	Tà Lao	88	
3	Sa Ta	44	Đổi tên	Xi Pa	44	Đổi tên thôn
4	Chai	54	Giữ nguyên	Chai	54	
5	Vôi	92	Sáp nhập thôn Vôi (92 hộ) và thôn Kè (70 hộ)	Trại Cá	162	
6	Kè	70				
7	Ly Tôn	112	Sáp nhập thôn Ly Tôn (112 hộ) và một phần cụm dân cư thôn A Đu (55 hộ)	Ly Tôn	167	
8	A Đu Ngoài	55				
	A Đu Trong	14	Sáp nhập thôn Ba Ngày (44 hộ) và một phần cụm dân cư thôn A Đu (14 hộ)	Pa Ngày	58	
9	Ba Ngày	44				
X	Xã Húc Nghi					
1	Húc Nghi	156	Giữ nguyên	Húc Nghi	156	
2	La Tó	76	Giữ nguyên	La Tó	76	
3	Thôn 37	37	Giữ nguyên	Thôn 37	37	
4	Cụp	77	Giữ nguyên	Cụp	77	
XI	Xã Tà Rụt					
1	Tà Rụt 1	183	Giữ nguyên	Tà Rụt 1	183	
2	Tà Rụt 2	135	Giữ nguyên	Tà Rụt 2	135	
3	Tà Rụt 3	113	Giữ nguyên	Tà Rụt 3	113	
4	A Đãng	210	Giữ nguyên	A Đãng	210	
5	Vực Leng	113	Giữ nguyên	Vực Leng	113	
6	A Pul	90	Sáp nhập thôn A Pul (90 hộ) và thôn Ka Hẹp (105 hộ)	A Pul	195	
7	Ka Hẹp	105				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, xóm	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên thôn, xóm mới	Số hộ	
8	A Vương	105	Sáp nhập thôn A Liêng (88 hộ) và thôn A Vương (105 hộ)	A Liêng	193	
9	A Liêng	88				
XII	Xã A Bung					Xã B. Giới
1	La Hót	72	Giữ nguyên	La Hót	72	
2	A Bung	124	Giữ nguyên	A Bung	124	
3	Cu Tài 2	94	Giữ nguyên	Cu Tài 2	94	
4	Cu Tài 1	156	Giữ nguyên	Cu Tài 1	156	
5	Ty Nê	90	Giữ nguyên	Ty Nê	90	
6	A Luông	60	Giữ nguyên	A Luông	60	
7	Cựp	62	Giữ nguyên	Cựp	62	
XIII	Xã A Ngo					Xã B. Giới
1	La Lay	64	Giữ nguyên	La Lay	64	
2	A Rông Trên	83	Giữ nguyên	A Rông Trên	83	
3	A Đeng	123	Sáp nhập thôn A Đeng (123 hộ) và một phần cụm dân cư thôn A Đang (19 hộ) và một phần cụm dân cư thôn A Rông Dưới (08 hộ)	A Đeng	150	
	Cụm dân cư thôn A Đang	19				
	Cụm dân cư thôn A Rông Dưới	8				
4	A Rông Dưới	66	Sáp nhập thôn A Rông Dưới (66 hộ) và thôn A Đang (75 hộ)	A Rông Dưới	141	
5	A Đang	75				
	Cụm dân cư thôn A La	29	Sáp nhập một phần cụm dân cư thôn A La (29 hộ) và một phần cụm dân cư thôn A Đang (03 hộ) và một phần cụm dân cư thôn A Rông Dưới (01 hộ) và thôn A Ngo (99 hộ)	A Ngo	132	
	Cụm dân cư thôn A Đang	3				
	Cụm dân cư thôn A Rông Dưới	1				
6	A Ngo	99				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, khóm	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên thôn, khóm mới	Số hộ	
7	A La	34	Sáp nhập thôn A La (34 hộ) và thôn Pi Rao (60 hộ)	A La	94	
8	Pi Rao	60				
9	Ăng Công	54	Sáp nhập thôn Ăng Công (54 hộ) và thôn Kỳ Ne (48 hộ)	Kỳ Neh	102	
10	Kỳ Ne	48				
XIV	Xã A Vao					Xã B. Giới
1	Ro Ró1	97	Đổi tên	Ra Ró	97	Đổi tên thôn
2	Tân Đi 3	108	Giữ nguyên	Tân Đi 3	108	
3	Tân Đi 1	81	Giữ nguyên	Tân Đi 1	81	
4	Tân Đi 2	46	Giữ nguyên	Tân Đi 2	46	
5	A Vao	92	Sáp nhập thôn A Vao (92 hộ) và thôn Ro Ró 2 (65 hộ)	A Vao	157	
6	Ro Ró 2	65				
7	Pa Linh	39	Sáp nhập thôn A Sau (47 hộ) và thôn Pa Linh (39 hộ) và thôn Kỳ Nơi (37 hộ)	Pa Ling	123	
8	A Sau	47				
9	Kỳ Nơi	37				

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP VÀ ĐỔI TÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)



TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập	Kết quả sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên khu phố	Số hộ	
I	PHƯỜNG 1					
1	Khu phố 1	347	Giữ nguyên	Khu phố 1	347	
2	Khu phố 2	617	Giữ nguyên	Khu phố 2	617	
3	Khu phố 3	550	Giữ nguyên	Khu phố 3	550	
4	Khu phố 4	620	Giữ nguyên	Khu phố 4	620	
5	Khu phố 5	500	Giữ nguyên	Khu phố 5	500	
6	Khu phố 6	561	Giữ nguyên	Khu phố 6	561	
7	Khu phố 7	350	Giữ nguyên	Khu phố 7	350	
8	Khu phố 8	625	Giữ nguyên	Khu phố 8	625	
9	Khu phố 9	320	Giữ nguyên	Khu phố 9	320	
10	Khu phố Tây Tri	550	Giữ nguyên	KP Tây Tri	550	
II	PHƯỜNG 2					
11	Khu phố 1	143	Sáp nhập Khu phố 1 (143 hộ) và một phần của Khu phố 2 (93 hộ)	Khu phố 1	236	
12	Khu phố 2	176	Sáp nhập một phần của Khu phố 2 (84 hộ) và một phần của Khu phố 3 (174 hộ)	Khu phố 2	258	
13	Khu phố 3	187	Sáp nhập Khu phố 8 (92 hộ), Khu phố 9 (117 hộ) và Khu phố 10 (60 hộ)	Khu phố 3	269	
14	Khu phố 8	92				
15	Khu phố 9	132				
16	Khu phố 10	68				
17	Khu phố 4	147	Sáp nhập Khu phố 4 (147 hộ) và một phần của Khu phố 3 (35 hộ), một phần của Khu phố 5 (72 hộ)	Khu phố 4	254	

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập	Kết quả sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên khu phố	Số hộ	
18	Khu phố 5	94	Sáp nhập một phần của Khu phố 5 (22 hộ) và Khu phố 6 (125 hộ), Khu phố 7 (95 hộ)	Khu phố 5	222	
19	Khu phố 6	125				
20	Khu phố 7	95				
III	PHƯỜNG 3					
21	Khu phố 1	133	Sáp nhập Khu phố 1 (133 hộ), Khu phố 2 (201 hộ) và khu phố Khe Lấp (36 hộ)	Khu phố 1	370	
22	Khu phố 2	201				
23	Khu phố Khe Lấp	36				
24	Khu phố 3	168	Sáp nhập Khu phố 3 (168 hộ) và Khu phố 4 (164 hộ)	Khu phố 2	332	
25	Khu phố 4	164				
26	Khu phố 5	295	Giữ nguyên	Khu phố 5	295	
27	Khu phố 6	275	Giữ nguyên	Khu phố 6	275	
28	Khu phố 7	342	Giữ nguyên	Khu phố 7	342	
IV	PHƯỜNG 4					
29	Khu phố 1	296	Giữ nguyên	Khu phố 1	296	
30	Khu phố 2	238	Tổ chức lại Khu phố 2 (238 hộ) sau khi sáp nhập một phần của Khu phố 3 (37 hộ)	Khu phố 2	275	
31	Khu phố 3	333	Tổ chức lại Khu phố 3 (333 hộ) sau khi chuyển một phần (37 hộ) sang Khu phố 2	Khu phố 3	296	
32	Khu phố 4	181	Sáp nhập Khu phố 4 (181 hộ) và Khu phố 5 (154 hộ)	Khu phố 4	335	
33	Khu phố 5	154				
V	PHƯỜNG 5					
34	Khu phố 1	675	Giữ nguyên	Khu phố 1	675	
35	Khu phố 2	707	Giữ nguyên	Khu phố 2	707	
36	Khu phố 3	739	Giữ nguyên	Khu phố 3	739	
37	Khu phố 4	569	Giữ nguyên	Khu phố 4	569	

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập	Kết quả sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên khu phố	Số hộ	
38	Khu phố 5	429	Giữ nguyên	Khu phố 5	429	
39	Khu phố 6	571	Giữ nguyên	Khu phố 6	571	
40	Khu phố 7	901	Giữ nguyên	Khu phố 7	901	
41	Khu phố 8	621	Giữ nguyên	Khu phố 8	621	
42	Khu phố 9	798	Giữ nguyên	Khu phố 9	798	
43	Khu phố 10	571	Giữ nguyên	Khu phố 10	571	
44	Khu phố 11	865	Giữ nguyên	Khu phố 11	865	
VI	PHƯỜNG ĐÔNG GIANG					
45	Khu phố 1	395	Giữ nguyên	Khu phố 1	395	
46	Khu phố 2	269	Giữ nguyên	Khu phố 2	269	
47	Khu phố 3	213	Giữ nguyên	Khu phố 3	213	
48	Khu phố 4	178	Giữ nguyên	Khu phố 4	178	
49	Khu phố 5	70	Sáp nhập Khu phố 5 (70 hộ), Khu phố 6 (82 hộ) và Khu phố 9 (64 hộ)	Khu phố 5	216	
50	Khu phố 6	82				
51	Khu phố 9	64				
52	Khu phố 7	127	Sáp nhập Khu phố 7 (127 hộ), Khu phố 8 (96 hộ) và Khu phố 10 (22 hộ)	Khu phố 6	245	
53	Khu phố 8	96				
54	Khu phố 10	22				
VII	PHƯỜNG ĐÔNG THANH					
55	Khu phố 1	263	Giữ nguyên	Khu phố 1	263	
56	Khu phố 2	244	Giữ nguyên	Khu phố 2	244	
57	Khu phố 3	85	Sáp nhập Khu phố 3 (85 hộ), Khu phố 4 (85 hộ) và Khu phố 5 (115 hộ)	Khu phố 3	285	
58	Khu phố 4	85				
59	Khu phố 5	115				
60	Khu phố 6	118	Sáp nhập Khu phố 6 (118 hộ), Khu phố 7 (114 hộ) và Khu phố 11 (38 hộ)	Khu phố 4	270	
61	Khu phố 7	114				
62	Khu phố 11	38				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập	Kết quả sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên đơn vị	Số hộ		Tên khu phố	Số hộ	
63	Khu phố 8	79	Sáp nhập Khu phố 8 (79 hộ), Khu phố 9 (75 hộ) và Khu phố 10 (54 hộ)	Khu phố 5	208	
64	Khu phố 9	75				
65	Khu phố 10	54				
VIII	PHƯỜNG ĐÔNG LỄ					
66	Khu phố 1A	196	Đổi tên	Lương An	196	
67	Khu phố 1B	241	Đổi tên	Phương Gia	241	
68	Khu phố 2	268	Giữ nguyên	Khu phố 2	268	
69	Khu phố 3	394	Giữ nguyên	Khu phố 3	394	
70	Khu phố 4	457	Giữ nguyên	Khu phố 4	457	
71	Khu phố 5	197	Đổi tên	Lập Thạch	197	
72	Khu phố 6	92	Sáp nhập Khu phố 6, Khu phố 7 và Khu phố 8	Khu phố 5	194	
73	Khu phố 7	50				
74	Khu phố 8	52				
75	Khu phố 9	474	Đổi tên	Khu phố 1	474	
IX	PHƯỜNG ĐÔNG LƯƠNG					
76	Khu phố 1	520	Giữ nguyên	Khu phố 1	520	
77	Khu phố 2	429	Giữ nguyên	Khu phố 2	429	
78	Khu phố 3	312	Giữ nguyên	Khu phố 3	312	
79	Khu phố Trung Chi	424	Giữ nguyên	KP Trung Chi	424	
80	Khu phố Đại Áng	394	Giữ nguyên	Kp Đại Áng	394	
81	Khu phố Lai Phước	415	Giữ nguyên	KP Lai Phước	415	
82	Khu phố Vĩnh Phước	333	Giữ nguyên	KP Vĩnh Phước	333	
83	Khu phố Tân Vĩnh	272	Giữ nguyên	KP Tân Vĩnh	272	



Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SẮP NHẬP THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIO LINH
(Kèm theo Quyết định số 4 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SẮP NHẬP	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
I	Xã Gio Mai					
1	Khu dân cư Mai Hà Thôn Mai Xá	295	Sáp nhập Khu dân cư Mai Hà (295 hộ) và Thôn Mai Thị (94 hộ).	Mai Đông	389	
2	Thôn Mai Thị	94				
3	Mai Xá	689	Giữ nguyên	Mai Xá	689	
4	Thôn Lâm Xuân	424	Giữ nguyên	Lâm Xuân	424	
II	Xã Trung Sơn					
1	Thôn Kinh Thị	110	Sáp nhập thôn Kinh Thị (130 hộ) và Thôn Giang Xuân Hải (176 hộ) và Thôn Tân Sơn (50 hộ)	Bến Hải	356	
2	Giang Xuân Hải	176				
3	Thôn Tân Sơn	50				
4	Thôn Đông Thị	62	Sáp nhập Thôn Đông Thị (62 hộ) và Thôn An Xá (203 hộ)	An Đông	265	
5	Thôn An Xá	203				
6	Thôn Kinh Môn	415	Giữ nguyên	Kinh Môn	415	
7	Thôn Võ Xá	409	Giữ nguyên	Võ Xá	409	
III	Xã Gio Châu					
1	Thôn Hà Tây	90	Sáp nhập thôn Hà Tây (90 hộ) và thôn Hà Thượng (366 hộ)	Hà Thượng	456	
2	Thôn Hà Thượng	366				
3	Thôn Hà Trung	326	Giữ nguyên	Hà Trung	326	
4	Thôn Hà Thanh	311	Giữ nguyên	Hà Thanh	311	
IV	Xã Hải Thái					
1	Thôn 1B	79	Sáp nhập Thôn 1B (79 hộ), Thôn 2B (61 hộ) và Thôn 3B (66 hộ)	Trường Thọ	206	
2	Thôn 2B	61				
3	Thôn 3B	66				
4	Thôn 4B	90	Sáp nhập Thôn 4B (90 hộ), Thôn 5B (39 hộ) và Thôn 6B (127hộ)	Trường Tri	256	
5	Thôn 5B	39				
6	Thôn 6B	127				

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SẮP NHẬP	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
7	Thôn Trung An	216	Sáp nhập Thôn Trung An (216 hộ) và Thôn Phú Ân (117 hộ)	An Phú	333	
8	Thôn Phú Ân	117				
9	Thôn 2A	99	Sáp nhập Thôn 2A (99 hộ) và Thôn 7B (144 hộ)	Hải An	243	
10	Thôn 7B	144				
11	Thôn 3A	54	Sáp nhập Thôn 3A (54 hộ) và Thôn Trăng Rộng (57 hộ)	Hải Hòa	111	
12	Thôn Trăng Rộng	57				
V	Thị trấn Gio Linh					
1	Khu phố 1	124	Sáp nhập khu phố 1(214 hộ) và Khu phố 2 (89 hộ)	Khu phố 1	213	
2	Khu phố 2	89				
3	Khu phố 4	123	Sáp nhập khu phố 4 (123 hộ) và Khu phố 10 (155 hộ)	Khu phố 4	278	
4	Khu phố 10	155				
5	Khu phố 11	213	Giữ nguyên	Khu phố 2	213	
6	Khu phố 3	267	Giữ nguyên	Khu phố 3	267	
7	Khu phố 5	245	Giữ nguyên	Khu phố 5	245	
8	Khu phố 9	229	Giữ nguyên	Khu phố 9	229	
9	Khu phố 6	179	Giữ nguyên	Khu phố 6	179	
10	Khu phố 7	196	Giữ nguyên	Khu phố 7	196	
11	Khu phố 8	192	Giữ nguyên	Khu phố 8	192	
VI	Gio Quang					
1	Thôn Kỳ Lâm	63	Sáp nhập Thôn Kỳ Lâm (63 hộ) và Thôn Kỳ Trúc (134 hộ)	Tân Kỳ	197	
2	Thôn Kỳ Trúc	134				
3	Thôn Trúc Lâm	401	Giữ nguyên	Trúc Lâm	401	
4	Thôn Vinh Quang Thượng	161	Giữ nguyên	Vinh Quang Thượng	161	
5	Thôn Vinh Quang Hạ	153	Giữ nguyên	Vinh Quang Hạ	153	
VII	Gio Hòa					

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SẮP NHẬP	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
1	Thôn Đại Tâm	98	Sáp nhập Thôn Đại Tâm (98 hộ), Thôn Đồng Hòa (78 hộ), Thôn Nhất Hòa (98 hộ)	Đại Đồng Nhất	274	
2	Thôn Đồng Hòa	78				
3	Thôn Nhất Hòa	98				
4	Thôn Trí Hòa	94	Sáp nhập Thôn Trí hòa (94 hộ) và Thôn Tiến hòa (83 hộ)	Trí Tiến	177	
5	Thôn Tiến Hòa	83				
VIII	Gio Bình					
1	Thôn Bình Hải	118	Sáp nhập Thôn Bình Hải (118 hộ) và Thôn Bình Long (83 hộ)	Long Hải	201	
2	Thôn Bình Long	83				
3	Thôn Xuân Mai	116	Sáp nhập Thôn Xuân Mai (116 hộ) và thôn Tiến Kim (87 hộ)	Xuân Tiến	203	
4	Thôn Tiến Kim	87				
5	Thôn Bình Minh	118	Giữ nguyên	Bình Minh	118	
6	Thôn Tân Lịch	111	Giữ nguyên	Tân Lịch	111	
IX	Gio An					
1	Thôn An Bình	64	Sáp nhập Thôn An Bình (64 hộ), Thôn Gia Bình (89 hộ) và Thôn Long Sơn (91 hộ)	Bình Sơn	244	
2	Thôn Gia Bình	89				
3	Thôn Long Sơn	91				
4	Thôn Tân Văn	112	Giữ nguyên	Tân Văn	112	
5	Thôn Hào Sơn	178	Giữ nguyên	Hào Sơn	178	
6	Thôn An Nha	213	Giữ nguyên	An Nha	213	
7	Thôn Xuân Hòa	108	Giữ nguyên	Xuân Hòa	108	
8	Thôn An Hương	151	Giữ nguyên	An Hương	151	
X	Linh Hải					
1	Thôn Thành An	45	Sáp nhập Thôn Thành An (45 hộ); Thôn Thiện nhân (89 hộ) và Thôn Thiện Đức (37 hộ)	Thiện Thành	171	
2	Thôn Thiện Nhân	89				
3	Thôn Thiện Đức	37				
4	Thôn Thượng Đồng	52	Sáp nhập Thôn Thượng Đồng (52 hộ); Thôn Xuân Đông(43hộ) và Thôn Xuân Tây (94 hộ)	Xuân Thượng	190	
5	Thôn Xuân Đông	43				
6	Thôn Xuân Tây	94				

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SẮP NHẬP	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
7	Thôn Hải Lam	58	Sáp nhập Thôn Hải Lam (58 hộ); Thôn Hải Thi (39 hộ) và Thôn Hải Tân (71 hộ)	Vĩnh Tân	168	
8	Thôn Hải Thi	39				
9	Thôn Hải Tân	71				
10	Thôn Hải Ba	95	Sáp nhập Thôn Hải Ba (95 hộ); Thôn Hải Quế (28 hộ) và Thôn Hải Hòa (35 hộ)	Đông Hải	158	
11	Thôn Hải Quế	28				
12	Thôn Hải Hòa	35				
XI	Vĩnh Trường					
1	Thôn Xóm Bàu	45	Sáp nhập Thôn Xóm Bàu (45 hộ) và Thôn Xóm Tre (45 hộ)	Bến Tắt	90	
2	Thôn Xóm Tre	45				
3	Thôn Xóm Cồn	39	Sáp nhập Thôn Xóm Cồn (39 hộ) và Thôn Gia Vòng (54 hộ)	Trường Hải	93	
4	Thôn Gia Vòng	54				
5	Thôn Trường Thành	21	Giữ nguyên	Trường Thành	21	
XII	Thị trấn Cửa Việt					Biên giới
1	Khu phố 1	187	Giữ nguyên	Khu phố 1	187	
2	Khu phố 2	195	Giữ nguyên	Khu phố 2	195	
3	Khu phố 3	186	Sáp nhập khu phố 3 (186 hộ) và Khu phố 8 (126 hộ)	Khu phố 3	312	
4	Khu phố 8	126				
5	Khu phố 4	151	Giữ nguyên	Khu phố 4	151	
6	Khu phố 5	211	Giữ nguyên	Khu phố 5	211	
7	Khu phố 6	184	Giữ nguyên	Khu phố 6	184	
8	Khu phố 7	250	Giữ nguyên	Khu phố 7	250	
XIII	Linh Thượng					
1	Thôn Bãi Hà	47	Sáp nhập Thôn Bãi Hà (47 hộ) và Thôn Bến Mộc 2 (90 hộ)	Bến Hà	137	
2	Thôn Bến Mộc 2	90				
3	Thôn Bến Mộc 1	35	Sáp nhập Thôn Bến Mộc 1 (35 hộ) và Thôn Cu Đình (75 hộ)	Cu Đình	110	
4	Thôn Cu Đình	75				

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SẮP NHẬP	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
5	Thôn Sông Ngăn	50	Giữ nguyên	Sông Ngăn	50	
6	Thôn Khe Me	60	Giữ nguyên	Khe Me	60	
7	Thôn Đồng Dôn	76	Giữ nguyên	Đồng Zôn	76	
8	Thôn Ba Ze	101	Giữ nguyên	Ba Ze	101	
XIV	Gio Hải					Biên giới
1	Thôn 8 (Diêm Hà Thượng)	77	Sáp nhập Thôn 8 (77 hộ) và Thôn 7 (193 hộ)	Tân Hải	270	
2	Thôn 7 (Hà Lợi Tây)	193				
3	Thôn Diêm Hà	54	Sáp nhập Thôn Diêm Hà (54hộ) và Thôn 6 (188 hộ)	Thôn 6	242	
4	Thôn 6 (Diêm Hà Trung)	188				
5	Thôn 5 (Diêm Hà Hạ)	168	Giữ nguyên	Thôn 5	168	
6	Thôn 4 (Hà Lợi Thượng)	223	Giữ nguyên	Thôn 4	223	
XV	Gio Việt					
1	Thôn Hoàng Hà	116	Giữ nguyên	Thôn Hoàng Hà	116	
2	Thôn Tân Xuân	310	Giữ nguyên	Thôn Tân Xuân	310	
3	Thôn Xuân Ngọc	342	Giữ nguyên	Thôn Xuân Ngọc	342	
4	Thôn Xuân Lộc	295	Giữ nguyên	Thôn Xuân Lộc	295	
5	Thôn Xuân Tiến	262	Giữ nguyên	Thôn Xuân Tiến	262	
XVI	Gio Phong					
1	Thôn Gia Môn	289	Giữ nguyên	Thôn Gia Môn	289	
2	Thôn Lễ Môn	288	Giữ nguyên	Thôn Lễ Môn	288	
3	Thôn Lan Đình	395	Giữ nguyên	Thôn Lan Đình	395	
XVII	Trung Hải					
1	Thôn Xuân Hòa	274	Giữ nguyên	Thôn Xuân Hòa	274	
2	Thôn Hải Chữ	238	Giữ nguyên	Thôn Hải Chữ	238	
3	Thôn Xuân Long	196	Giữ nguyên	Thôn Xuân Long	196	
4	Thôn Bách Lộc	79	Giữ nguyên	Thôn Bách Lộc	79	
5	Thôn Xuân Mỹ	138	Giữ nguyên	Thôn Xuân Mỹ	138	
6	Thôn Cao Xá	217	Giữ nguyên	Thôn Cao Xá	217	
XVIII	Trung Giang					Biên Giới

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SẮP NHẬP	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
1	Thôn Bắc Sơn	249	Giữ nguyên	Thôn Bắc Sơn	249	
2	Thôn Nam Sơn	297	Giữ nguyên	Thôn Nam Sơn	297	
3	Thôn Thủy Bạ	167	Giữ nguyên	Thôn Thủy Bạ	167	
4	Thôn Cang Gián	169	Giữ nguyên	Thôn Cang Gián	169	
5	Thôn Hà Lợi Trung	235	Giữ nguyên	Thôn Hà Lợi Trung	235	
XIX	Gio Mỹ					
1	Thôn Thủy Khê	188	Giữ nguyên	Thôn Thủy Khê	188	
2	Thôn Cẩm Phô	248	Giữ nguyên	Thôn Cẩm Phô	248	
3	Thôn An Mỹ	203	Giữ nguyên	Thôn An Mỹ	203	
4	Thôn Nhĩ Thượng	337	Giữ nguyên	Thôn Nhĩ Thượng	337	
5	Thôn Lại An	332	Giữ nguyên	Thôn Lại An	332	
6	Thôn Phước Thị	157	Giữ nguyên	Thôn Phước Thị	157	
XX	Gio Thành					
1	Thôn Nhĩ Hạ	373	Giữ nguyên	Thôn Nhĩ Hạ	373	
2	Thôn Nhĩ Trung	280	Giữ nguyên	Thôn Nhĩ Trung	280	
3	Thôn Tân Minh	117	Giữ nguyên	Thôn Tân Minh	117	
XXI	Gio Sơn					
1	An Khê	176	Giữ nguyên	An Khê	176	
2	Nam Tân	162	Giữ nguyên	Nam Tân	162	
3	Phú Ốc	144	Giữ nguyên	Phú Ốc	144	
4	Nam Đông	157	Giữ nguyên	Nam Đông	157	
5	Lạc Sơn	131	Giữ nguyên	Lạc Sơn	131	

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP VÀ ĐỔI TÊN THÔN, KHÓM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI LĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)



TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, khóm			Ghi chú
			Phương án	Tên thôn, khóm mới	Số hộ	
I	Hải Phú	Số hộ				
1	Long Hưng	872	Giữ nguyên	Long Hưng	872	
2	Phú Hưng	686	Giữ nguyên	Phú Hưng	686	
II	Hải Thượng					
1	Thượng Xá	853	Giữ nguyên	Thượng Xá	853	
2	Đại An Khê	620	Giữ nguyên	Đại An Khê	620	
III	Hải Quy					
1	Quy Thiện	462	Giữ nguyên	Quy Thiện	462	
2	Văn Vận	381	Giữ nguyên	Văn Vận	381	
3	Trâm Lý	320	Giữ nguyên	Trâm Lý	320	
IV	Hải Khê					Biên giới Biển
1	Trung An	476	Giữ nguyên	Trung An	476	
2	Thâm Khê	495	Giữ nguyên	Thâm Khê	495	
V	Hải Quế					
1	Hội Yên	207	Giữ nguyên	Hội Yên	207	
2	Đơn Quế	299	Giữ nguyên	Đơn Quế	299	
3	Kim Long	467	Giữ nguyên	Kim Long	467	
VI	Hải Thọ					
1	Thôn 1	356	Giữ nguyên	Thôn 1	356	
2	Thôn 2	168	Giữ nguyên	Thôn 2	168	

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, xóm			Ghi chú
			Phương án	Tên thôn, xóm mới	Số hộ	
3	Thôn 3	277	Giữ nguyên	Thôn 3	277	
4	Thôn 4	342	Giữ nguyên	Thôn 4	342	
5	Thôn Công Thương Nghiệp	330	Giữ nguyên	Thôn Công Thương Nghiệp	330	
VII	Hải Dương					
1	Kim Giao	260	Giữ nguyên	Kim Giao	260	
2	Diên Khánh	565	Giữ nguyên	Diên Khánh	565	
3	Đông Dương	237	Giữ nguyên	Đông Dương	237	
4	An Nhơn	150	Giữ nguyên	An Nhơn	150	
5	Xuân Viên	233	Giữ nguyên	Xuân Viên	233	
VIII	Hải An					Biên giới Biển
1	Mỹ Thủy	576	Giữ nguyên	Mỹ Thủy	576	
2	Đông Tân An	409	Giữ nguyên	Đông Tân An	409	
3	Tây Tân An	252	Giữ nguyên	Tây Tân An	252	
4	Thuận Đầu	158	Giữ nguyên	Thuận Đầu	158	
IX	Hải Hòa					
1	Hung Nhơn	272	Giữ nguyên	Hung Nhơn	272	
2	An Thơ	411	Giữ nguyên	An Thơ	411	
3	Hội Diên	39	Giữ nguyên	Hội Diên	39	
4	Phú Kinh	377	Giữ nguyên	Phú Kinh	377	
5	Phú Kinh Phường	53	Giữ nguyên	Phú Kinh Phường	53	
X	Hải Thiện					
1	Thôn 1	173	Sáp nhập thôn 1 (173 hộ) và thôn 2 (269 hộ)	Thiện Tây	442	
2	Thôn 2	269				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, khóm			Ghi chú
			Phương án	Tên thôn, khóm mới	Số hộ	
3	Thôn 3	104	Sáp nhập thôn 3 (104 hộ), thôn 4 (221 hộ) và thôn 5 (155 hộ)	Thiện Đông	480	
4	Thôn 4	221				
5	Thôn 5	155				
XI	Hải Thành					
1	Trung Đơn	365	Sáp nhập thôn Trung Đơn (365 hộ) và thôn Kim Sanh (26 hộ)	Trung Đơn	391	
2	Kim Sanh	26				
3	Phước Điền	116	Giữ nguyên	Phước Điền	116	
XII	Hải Xuân					
1	Trà Lộc	479	Giữ nguyên	Trà Lộc	479	
2	Trà Trì	434	Sáp nhập thôn Trà Trì (434 hộ) và thôn Phú Xuân A (22 hộ)	Trà Trì Phú	456	
3	Phú Xuân A	22				
4	Duân Kinh	184	Sáp nhập thôn Duân Kinh (184 hộ) và thôn La Duy (60 hộ)	Kinh Duy	244	
5	La Duy	60				
6	Phú Xuân B	50	Giữ nguyên	Phú Xuân B	50	<i>Theo NQ 31/CP của Chính phủ thì bàn giao cho TT-Huế</i>
XIII	Hải Tân					
1	Câu Nhi	539	Sáp nhập thôn Câu Nhi (534 hộ) và thôn Hà Lỗ (108 hộ)	Câu Hà	647	
2	Hà Lỗ	108				
3	Văn Quỹ	305	Giữ nguyên	Văn Quỹ	305	
4	Văn Trị	232	Giữ nguyên	Văn Trị	232	
XIV	Hải Ba					
1	Phương Lang	692	Sáp nhập thôn Phú Hải (60 hộ) và thôn Phương Lang (692 hộ)	Phương Hải	752	
2	Phú Hải	60				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, xóm			Ghi chú
			Phương án	Tên thôn, xóm mới	Số hộ	
3	Ba Du	99	Sáp nhập thôn Ba Du (99 hộ), thôn Cỏ Lũy (350 hộ) và thôn Đa Nghi (166 hộ)	Thống Nhất	615	
4	Cỏ Lũy	350				
5	Đa Nghi	166				
6	Tân Lập	54	Sáp nhập vào thôn Câu Nhi, xã Hải Chánh			
XV	Hải Vĩnh					
1	Lam Thủy	640	Giữ nguyên	Lam Thủy	640	
2	Thị Ông	478	Giữ nguyên	Thị Ông	478	
3	Thuận Nhon	113	Sáp nhập thôn Thuận Nhon (113 hộ), thôn Thượng An (06 hộ), thôn Lương Chánh (06 hộ) và thôn Thuận Đức (10 hộ)	Thuận Chánh An	135	
4	Thượng An	6				
5	Lương Chánh	6				
6	Thuận Đức	10				
XVI	Hải Lâm					
1	Mai Đàn	443	Giữ nguyên	Mai Đàn	443	
2	Xuân Lâm	158	Giữ nguyên	Xuân Lâm	158	
3	Trường Phước	164	Giữ nguyên	Trường Phước	164	
4	Thượng Nguyên	174	Sáp nhập thôn Thượng Nguyên (174 hộ) và phía bắc thôn Tân Chính (11 hộ)	Thượng Nguyên	185	
5	Tân Phước	187	Sáp nhập thôn Tân Phước (187 hộ) và phía Nam Tân Chính (13 hộ)	Tân Phước	200	
6	Tân Chính	24				
XVII	Hải Sơn					
1	Hà Lộc	130	Giữ nguyên	Hà Lộc	130	
2	Lương Điền	586	Sáp nhập thôn Lương Điền (586 hộ), thôn Lương Hải (62 hộ) và thôn Như Sơn (53 hộ)	Đông Sơn	701	
3	Lương Hải	62				
4	Như Sơn	53				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, khóm			Ghi chú
			Phương án	Tên thôn, khóm mới	Số hộ	
5	Tân Điền	121	Sáp nhập thôn Tân Điền (121 hộ) và thôn Trầm Sơn (53 hộ)	Tân Sơn	174	
6	Trầm Sơn	53				
7	Khe Mương	76	Sáp nhập thôn Khe Mương (76 hộ) và thôn Tân Lý (67 hộ)	Tây Sơn	143	
8	Tân Lý	67				
XVIII	Hải Trường					
1	Hậu Trường	443	Giữ nguyên	Hậu Trường	443	
2	Mỹ Trường	320	Giữ nguyên	Mỹ Trường	320	
3	Trường Thọ	56	Sáp nhập thôn Tân Trường (70 hộ), thôn Trường Thọ (56 hộ) và thôn Trường Xuân (74 hộ)	Tân Xuân Thọ	200	
4	Trường Xuân	74				
5	Tân Trường	70				
6	Trung Trường	274	Giữ nguyên	Trung Trường	274	
7	Đông Trường	143	Giữ nguyên	Đông Trường	143	
XIX	Hải Chánh					
1	Tân Lương	156	Sáp nhập thôn Tân Lương (156 hộ), thôn Vực Kè (94 hộ) và thôn Lương Sơn (75 hộ)	Tây Chánh	325	
2	Vực Kè	94				
3	Lương Sơn	75				
4	Xuân Lộc	169	Giữ nguyên	Xuân Lộc	169	
5	Mỹ Chánh	705	Giữ nguyên	Mỹ Chánh	705	
6	Hội Kỳ	101	Giữ nguyên	Hội Kỳ	101	
7	Câu Nhi	213	Sáp nhập thôn Câu Nhi (213 hộ), thôn Tân Lập thuộc xã Hải Ba (54 hộ)	Nam Chánh	267	
8	Văn Phong	84	Sáp nhập thôn Văn Phong (84 hộ), thôn Tân Hiệp (103 hộ) và thôn Tân Trung (37 hộ)	Tân Phong	224	
9	Tân Hiệp	103				
10	Tân Trung	37				

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập và đổi tên thôn, xóm			Ghi chú
			Phương án	Tên thôn, xóm mới	Số hộ	
XX	TT Hải Lăng					
1	Khóm 1	125	Sáp nhập khóm 1 (125 hộ) và khóm 2 (117 hộ)	Khóm 6	242	
2	Khóm 2	117				
3	Khóm 3	329	Đổi tên	Khóm 7	329	
4	Khóm 4	79	Sáp nhập khóm 4 (79 hộ) và khóm 5 (137 hộ)	Khóm 8	216	
5	Khóm 5	137				
6	Khóm 6	159	Đổi tên	Khóm 9	159	



Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP SÁP NHẬP THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HƯỚNG HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
I	Ba Tầng					Xã B. Giới
1	Ba lòng	96	Giữ nguyên	Ba lòng	96	
2	Ba Tầng	101	Giữ nguyên	Ba Tầng	101	
3	Loa	135	Giữ nguyên	Loa	135	
4	Trùm	53	Sáp nhập thôn Trùm (53 hộ) và thôn Xa Tuông (94 hộ)	Trùm	147	
5	Xa Tuông	94				
6	Hùn	14	Sáp nhập thôn Hùn (14 hộ) và thôn Xa Rô (76 hộ)	Hùn	90	
7	Xa Rô	76				
8	Vàng	97	Giữ nguyên	Vàng	97	
9	Mãng Song	98	Giữ nguyên	Mãng Song	98	
II	Xã A Dơi					Xã B. Giới
1	Phong Hải	37	Sáp nhập thôn Tân Hải (47 hộ) và thôn Trung Phước (57 hộ) và thôn Phong Hải (37 hộ)	Đồng Tâm	141	
2	Trung Phước	57				
3	Tân Hải	47				
4	Prăng Xy	51	Sáp nhập thôn Prăng Xy (51 hộ) và thôn Pa Roi (99 hộ)	Proi Xy	99	
5	Pa Roi	48				
6	Hợp Thành	32	Sáp nhập thôn Hợp Thành (32 hộ) và thôn Prin C (76 hộ)	Prin Thành	108	
7	PrinC	76				
8	Xa Doan	109	Giữ nguyên	Xa Doan	109	
9	A Dơi Cô	95	Giữ nguyên	A Dơi Cô	95	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
10	A Dơi Đờ	110	Giữ nguyên	A Dơi Đờ	110	
III	Xy					Xã B. Giới
1	Xi La	39	Sáp nhập thôn Xy La (39 hộ) và thôn Troan Thượng (70 hộ) và thôn Xy Cơ Reo (41 hộ)	Troan La Reo	151	
2	Xi Cơ Reo	41				
3	Troan Thượng	70				
4	Troan Ô	74	Sáp nhập thôn Troan Ô (74 hộ) và thôn Ta Nua (78 hộ)	Ra Po	152	
5	Ta Nua	78				
6	Ra Man	123	Giữ nguyên	Ra Man	123	
IV	Thanh					Xã B. Giới
1	Bản 8	57	Sáp nhập thôn Bản 8 (57 hộ) và thôn Bản 9 (65 hộ)	Ba Viêng	122	
2	Bản 9	65				
3	Bản 10	81	Giữ nguyên	Bản 10	81	
4	A Ho	120	Giữ nguyên	A Ho	120	
5	Thanh 1	105	Giữ nguyên	Thanh 1	105	
6	Thanh 4	59	Sáp nhập thôn Thanh 4 (59 hộ) và thôn Pa Lọ Ô (39 hộ)	Thanh Ô	98	
7	Pa Lọ Ô	39				
8	Pa Lọ Vạc	63	Sáp nhập thôn Pa Lọ Vạc (63 hộ) và thôn Ta Nua Cô (72 hộ) và thôn Xung (33 hộ)	Thôn Mới	168	
9	Ta Nua Cô	72				
10	Xung	33				
V	Thuận					Xã B. Giới
1	Bản 1 Mới	45	Sáp nhập thôn Bản 1 Mới (45 hộ) và thôn Bản 1 Cũ (70 hộ)	Thuận 1	115	
2	Bản 1 Cũ	70				
3	Thuận Trung 1	32	Sáp nhập thôn Thuận Trung 1 (32 hộ) và thôn Bản 2 (64 hộ)	Thuận 2	96	
4	Bản 2	64				
5	Bản 3	40	Sáp nhập Bản 3 (40 hộ) và Bản 4 (50 hộ)	Thuận 3	90	
6	Bản 4	50				

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
7	Thuận Trung 2	57	Sáp nhập Bàn 5 (61 hộ) và thôn Thuận Trung 2 (57 hộ)	Thuận 4	118	
8	Bàn 5	61				
9	Bàn Giai	70	Sáp nhập Bàn Giai (70 hộ) và Bàn 6 (76 hộ)	Thuận 5	128	
10	Bàn 6	58				
11	Bàn 7	76	Giữ nguyên	Bàn 7	76	
12	Thuận Hòa	49	Giữ nguyên	Thuận Hòa	50	
13	Úp Ly 2	67	Giữ nguyên	Úp Ly 2	67	
VI	Tân Thành					Xã B. Giới
1	Bích La Đông	172	Giữ nguyên	Bích La Đông	172	
2	Nại Cửu	210	Giữ nguyên	Nại Cửu	210	
3	Cỏ Thành	143	Giữ nguyên	Cỏ Thành	143	
4	An Tiêm	65	Giữ nguyên	An Tiêm	65	
5	Nam Xuân Đức	166	Giữ nguyên	Nam Xuân Đức	166	
6	Bích La Trung	107	Giữ nguyên	Bích La Trung	107	
7	Hà Thành	43	Sáp nhập thôn Hà Thành (43 hộ) và thôn Lệt Cốc (86 hộ)	Hà Lệt	129	
8	Lệt Cốc	86				
VII	Tân Long					Xã B. Giới
1	Long Yên	94	Sáp nhập thôn Long Yên (94 hộ) và thôn Long Thuận (79 hộ)	Yên Thuận	173	
2	Long Thuận	79				
3	Long An	137	Giữ nguyên	Long An	137	
4	Long Quy	117	Giữ nguyên	Long Quy	117	
5	Long Hợp	241	Giữ nguyên	Long Hợp	241	
6	Long Thành	99	Giữ nguyên	Long Thành	99	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
7	Long Giang	83	Giữ nguyên	Long Giang	83	
8	Xi Núc	85	Giữ nguyên	Xi Núc	85	
9	Long Phụng	137	Giữ nguyên	Long Phụng	137	
10	Làng Vây	31	Giữ nguyên	Làng Vây	31	
VIII	Hướng Phùng					Xã B. Giới
1	Cọp	270	Giữ nguyên	Cọp	270	
2	Cỏ Nhồi	113	Giữ nguyên	Cỏ Nhồi	113	
3	Xa Ry	249	Giữ nguyên	Xa Ry	249	
4	Chênh Vênh	119	Giữ nguyên	Chênh Vênh	119	
5	Mã Lai	123	Sáp nhập thôn Mã Lai (123 hộ) và thôn Pa Công (28 hộ)	Mã Lai Pun	184	
6	Tân Pun	61				
7	Doa Cù	105	Giữ nguyên	Doa Cù	105	
8	Bụt Việt	133	Giữ nguyên	Bụt Việt	133	
9	Hương Đại	47	Sáp nhập thôn Hương Đại (47 hộ) và thôn Hương Độ (59 hộ)	Đại Độ	106	
10	Hương Độ	59				
11	Cheng	81	Giữ nguyên	Cheng	81	
12	Hướng Hải	60	Giữ nguyên	Hướng Hải	60	
13	Hướng Phú	77	Giữ nguyên	Hướng Phú	77	
14	Phùng Lâm	138	Giữ nguyên	Phùng Lâm	138	
15	Hướng Choa	58	Giữ nguyên	Hướng Choa	58	
IX	Hướng Việt					Xã B. Giới
1	Thôn Ka Tiêng	71	Giữ nguyên	Thôn Ka Tiêng	71	
2	Thôn Tà Rùng	73	Giữ nguyên	Thôn Tà Rùng	73	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
3	Thôn Chai	47	Sáp nhập thôn Chai (47 hộ) và thôn Xà Đưng (75 hộ)	Xà Đưng	122	
4	Thôn Xà Đưng	75				
5	Thôn Trắng-Tà Puồng	68	Giữ nguyên	Thôn Trắng-Tà Puồng	68	
X	Hướng Lập	5				
1	Thôn A Xóc - Cha Lý	74	Giữ nguyên	Thôn A Xóc - Cha Lý	74	
2	Thôn Sê Pu - Tà Păng	58	Giữ nguyên	Thôn Sê Pu - Tà Păng	58	
3	Thôn Cựp - Cuối	47	Giữ nguyên	Thôn Cựp - Cuối	47	
4	Thôn Tri	42	Giữ nguyên	Thôn Tri	42	
5	Thôn Cù Bai	126	Giữ nguyên	Thôn Cù Bai	126	
XI	A Túc			5		
1	Thôn Húc	69	Sáp nhập thôn Húc (69 hộ) và thôn Pa Lu (50 hộ) và thôn Lia (26 hộ)	A Xóc Lia	145	
2	Thôn Pa Lu	50				
3	Thôn Lia	26				
4	Thôn Tăng Cô	62	Sáp nhập thôn Ra Hang (31 hộ) và thôn Tăng Cô (62 hộ)	Tăng Cô Hang	93	
5	Thôn Ra Hang	31	Sáp nhập thôn Ra Hang (35 hộ) và thôn A Xói (60 hộ)	A Xói Hang	95	
	Thôn Ra Hang	35				
6	Thôn A Xói	60	Sáp nhập thôn Ba Linh (31 hộ) và thôn A Xau (91 hộ)	A Xau	122	
7	Thôn A Xau	91				
8	Thôn Ba Linh	31	Sáp nhập thôn Ba Linh (45 hộ) và thôn Kỳ Nơ (104 hộ)	Kỳ Nơ	149	
	Thôn Ba Linh	45				
9	Thôn Kỳ Nơ	104				
XII	A Xing					
1	A Tông	40	Sáp nhập thôn A Tông (40 hộ) và thôn Cu Rông (52 hộ)	A Rông	92	
2	Cu Rông	52				
3	Kỳ Rỹ	62	Sáp nhập thôn Tăng Quan I (58 hộ) và thôn Kỳ Rỹ (62 hộ)	Kỳ Tăng	120	
4	Tăng Quan I	58				


TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
5	Tầng quan 2	33	Sáp nhập thôn Tầng Quan II (33 hộ) và thôn A Cha (61 hộ)	A Quan	94	
6	A Cha	61				
7	A Máy	86	Giữ nguyên	A Máy	86	
8	A MôR	108	Giữ nguyên	A MôR	108	
XIII	Hướng Lộc					
1	Pa Xía	59	Sáp nhập thôn Pa Xía (59 hộ) và thôn Ta Rụi (52 hộ)	Ta Xía	111	
2	Ta Rụi	52				
3	Cu Ty	106	Giữ nguyên	Cu Ty	106	
4	Của	47	Giữ nguyên	Của	47	
5	Ra Ty	52	Giữ nguyên	Ra Ty	52	
6	Trầm	57	Sáp nhập thôn Trầm (57 hộ) và thôn Cheng (33 hộ)	Trầm Cheng	90	
7	Cheng	33				
8	Cu Dừm	56	Sáp nhập thôn Ta Roa (28 hộ) và thôn Pa Ka (58 hộ) và thôn Cu Dừm (56 hộ)	Cu Ta Ka	142	
9	Ta Roa	28				
10	Pa Ka	58				
XIV	Tân Lập					
1	Thôn Tân Tài	253	Giữ nguyên	Thôn Tân Tài	253	
2	Bản Bù	80	Giữ nguyên	Bản Bù	80	
3	Thôn Tân Trung	186	Giữ nguyên	Thôn Tân Trung	186	
4	Thôn Tân Sơn	160	Giữ nguyên	Thôn Tân Sơn	160	
5	Bản Cồn	60	Giữ nguyên	Bản Cồn	60	
6	Thôn Tân Thuận	296	Giữ nguyên	Thôn Tân Thuận	296	
7	Bản Vây 1	83	Sáp nhập thôn Bản Vây 1 (83 hộ) và thôn Bản Vây 2 (17 hộ)	Bản Làng Vây	100	
8	Bản Vây 2	17				
XV	Tân Liên					

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
1	Duy Hòa	127	Sáp nhập thôn Duy Hòa (127 hộ) và thôn Vân Hòa (53 hộ)	Liên Hòa	180	
2	Vân Hòa	53				
3	Tân Hiệp	79	Sáp nhập thôn Tân Hiệp (79 hộ) và thôn Hòa Hiệp (91 hộ)	Hiệp Hòa	170	
4	Hòa Hiệp	91				
5	Tân Hà	59	Sáp nhập thôn C7 (26 hộ) và thôn Đại Thù (56 hộ) và thôn Tân Hà (59 hộ)	Tân Phú	141	
6	C7	26				
7	Đại Thù	56				
8	Tân Hữu	114	Giữ nguyên	Tân Hữu	114	
9	Tân Tiến	150	Giữ nguyên	Tân Tiến	150	
10	Tân Hòa	150	Giữ nguyên	Tân Hòa	150	
11	Tân Hào	151	Giữ nguyên	Tân Hào	151	
12	Cheng	105	Giữ nguyên	Cheng	105	
XVI	Húc					
1	Húc Ván	94	Sáp nhập thôn Húc Ván (94 hộ) và thôn Ta Ri 1 (102 hộ)	Ván Ri	196	
2	Ta Ri 1	102				
3	Ta Ri 2	45	Giữ nguyên	Ta Ri 2	45	
4	Ho Le	37	Giữ nguyên	Ho Le	37	
5	Húc Thượng	131	Giữ nguyên	Húc Thượng	131	
6	Ta Núc	96	Giữ nguyên	Ta Núc	96	
7	Ta Rừng	156	Giữ nguyên	Ta Rừng	156	
8	Cu Đông	94	Giữ nguyên	Cu Đông	94	
9	Ta Cu	51	Giữ nguyên	Ta Cu	51	
XVII	Hướng Linh					

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
1	Xa Bai	90	Giữ nguyên	Xa Bai	90	
2	Mới	64	Sáp nhập thôn Mới (90 hộ) và thôn Hoong (95 hộ)	Hoong Mới	159	
3	Hoong	95				
4	Cooc	91	Giữ nguyên	Cooc	91	
5	Miệt	58	Sáp nhập thôn Miệt (58 hộ) và thôn Pa Công (28 hộ)	Miệt – Pa Công	86	
6	Pa Công	28				
7	Miệt Cũ	75	Giữ nguyên	Miệt Cũ	75	
XVIII	Hương Sơn					
1	Thôn Ra Ly	77	Sáp nhập thôn Ra Ly (77 hộ) và thôn Nguồn Rào 1 (57 hộ)	Ra Ly - Rào	134	
2	Thôn Nguồn Rào 1	57				
		Thôn Nguồn Rào 2	72	Sáp nhập thôn Pin (61 hộ) và thôn Nguồn Rào 2 (72 hộ)	Nguồn Rào – Pin	133
3	Thôn Pin	61				
4	Thôn Hồ	76	Giữ nguyên	Thôn Hồ	76	
5	Thôn Mới	54	Giữ nguyên	Thôn Mới	54	
6	Thôn Trĩa	42	Giữ nguyên	Thôn Trĩa	42	
7	Thôn Cát	93	Giữ nguyên	Thôn Cát	93	
XIX	Tân Hợp					
1	Thôn Tân Xuyên	555	Giữ nguyên	Thôn Tân Xuyên	555	
2	Thôn Quyết Tâm	241	Giữ nguyên	Thôn Quyết Tâm	241	
3	Thôn Lương Lễ	328	Giữ nguyên	Thôn Lương Lễ	328	
4	Thôn Hòa Thành	97	Giữ nguyên	Thôn Hòa Thành	97	
5	Thôn Tà Đù	38	Giữ nguyên	Thôn Tà Đù	38	
XIX	Hương Tân					

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
1	Thôn Trầm	204	Giữ nguyên	Thôn Trầm	204	
2	Thôn Cửa	99	Giữ nguyên	Thôn Cửa	99	
3	Thôn Tân Linh	109	Giữ nguyên	Thôn Tân Linh	109	
4	Thôn Tân Vinh	83	Giữ nguyên	Thôn Tân Vinh	83	
5	Thôn Xa Re	123	Giữ nguyên	Thôn Xa Re	123	
6	Thôn Ruộng	122	Giữ nguyên	Thôn Ruộng	122	
7	Thôn Xa Rường	26	Giữ nguyên	Thôn Xa Rường	26	
XXI	TT Khe Sanh					
1	Khối 1	570	Giữ nguyên	Khối 1	570	
2	Khối 2	488	Giữ nguyên	Khối 2	488	
3	Khối 3A	593	Giữ nguyên	Khối 3A	593	
4	Khối 3B	455	Giữ nguyên	Khối 3B	455	
5	Khối 4	449	Giữ nguyên	Khối 4	449	
6	Khối 5	232	Giữ nguyên	Khối 5	232	
7	Khối 6	193	Giữ nguyên	Khối 6	193	
8	Khối 7	98	Giữ nguyên	Khối 7	98	
IX	TT Lao Bảo					Biên giới
1	Khu phố Duy Tân	191	Giữ nguyên	Duy Tân	191	
2	Khu phố Cao Việt	186	Giữ nguyên	Cao Việt	186	
3	Khu phố An Hà	265	Giữ nguyên	An Hà	265	
4	Khu phố Xuân Phước	296	Giữ nguyên	Xuân Phước	296	
5	Khu phố Vĩnh Hòa	89	Sáp nhập KP Vĩnh Hòa (89 hộ) và KP Đông Chín (322 hộ)	Vĩnh Đông	421	
6	Khu phố Đông Chín	332				

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/ Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, KP sau khi sắp xếp, sáp nhập	Số hộ	
7	Khu phố Trung Chín	372	Giữ nguyên	Trung Chín	372	
8	Khu phố Tây Chín	342	Giữ nguyên	Tây Chín	342	
9	Khu phố Tân Kim	336	Giữ nguyên	Tân Kim	336	
10	Khu phố Ka Túp	81	Giữ nguyên	Ka Túp	81	
11	Khu phố Ka Tăng	220	Giữ nguyên	Ka Tăng	220	
12	Khu phố Khe Đá	86	Giữ nguyên	Khe Đá	86	


Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP SÁP NHẬP THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU PHONG
(Kèm theo Quyết định số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên Đơn vị	Các thôn trước khi sáp nhập	Số hộ	Phương án sắp xếp, sáp nhập	Tên thôn, khu phố sau sáp nhập	Số hộ	Ghi chú
1	Xã Triệu Hòa	Hữu Niên A	90	Sáp nhập thôn Hữu Niên A (90 hộ), thôn Hữu Niên B (31 hộ) và thôn Duy Hòa (81 hộ)	Hữu Hòa	202	
		Hữu Niên B	31				
		Duy Hòa	81				
		An Lộng	220	Giữ nguyên	An Lộng	220	
		Vân Hòa	356	Giữ nguyên	Vân Hòa	356	
		Bồ Liêu	119	Giữ nguyên	Bồ Liêu	119	
		Mỹ Lộc	212	Giữ nguyên	Mỹ Lộc	212	
Hà My	296	Giữ nguyên	Hà My	296			
2	Xã Triệu Thượng	Tả Hữu	39	Sáp nhập thôn Tá Hữu (39 hộ), Trung Kiên (91 hộ) và Xuân An (107 hộ)	Ngũ Hiệp	237	
		Trung Kiên	91				
		Xuân An	107				
		KV1 Nhan Biều	408	Giữ nguyên	KV1 Nhan Biều	408	
		KV2 Nhan Biều	243	Giữ nguyên	KV2 Nhan Biều	243	
		KV3 Nhan Biều	244	Giữ nguyên	KV3 Nhan Biều	244	
		Trám	119	Giữ nguyên	Trám	119	
		Tân Xuân	108	Giữ nguyên	Tân Xuân	108	
Thượng Phước	181	Giữ nguyên	Thượng Phước	181			
3	Xã Triệu Đông	Bích La Nam	66	Sáp nhập thôn Bích La Nam (66 hộ), Bích La Trung (118 hộ)	Bích La	184	
		Bích La Trung	118				
		Bích La Đông	554	Giữ nguyên	Bích La Đông	554	
		Nại Cừ	787	Giữ nguyên	Nại Cừ	787	
4	Xã Triệu Sơn	Đông Bào	286	Sáp nhập thôn Đông Bào (286 hộ) và thôn Văn Phong (86 hộ)	Đông Văn	372	
		Văn Phong	86				
		An Phú	40	Sáp nhập thôn An Phú (40 hộ), thôn Thượng Trạch (130 hộ) và thôn Phường Đạo Đầu (32 hộ)	Thượng Phú Phường	202	
		Thượng Trạch	130				
		Phường Đạo đầu	32				
		An Lưu	113	Sáp nhập thôn An Lưu (113 hộ) và thôn Phương Sơn (182 hộ)	Phương An	295	
		Phương Sơn	182				
Linh Chiêu	380	Giữ nguyên	Linh Chiêu	380			

STT	Tên Đơn vị	Các thôn trước khi sáp nhập	Số hộ	Phương án sắp xếp, sáp nhập	Tên thôn, khu phố sau sáp nhập	Số hộ	Ghi chú		
5	Xã Triệu Đại	Hiền Lương	42	Sáp nhập thôn Hiền Lương (42 hộ), thôn Phú Tài (116 hộ) và thôn Phan Xá (46 hộ)	Lương Tài Xá	204			
		Phú Tài	116						
		Phan Xá	46						
				Đại Hào	526	Giữ nguyên	Đại Hào	526	
				Quảng Lượng	152	Giữ nguyên	Quảng Lượng	152	
				Đại Hòa	148	Giữ nguyên	Đại Hòa	148	
				Quảng Điền	343	Giữ nguyên	Quảng Điền	343	
6	Xã Triệu Long	An Mô	203	Sáp nhập thôn An Mô (203 hộ) và Tân Định (27 hộ)	An Định	230			
		Tân Định	27						
		Xóm Cồn	115	Sáp nhập Xóm Cồn (115 hộ), Xóm Bồi (50 hộ) và Xóm Kiệt (62 hộ),	Cồn Bồi Kiệt	227			
		Xóm Bồi	50						
		Xóm Kiệt	62						
		Đại Lộc Hạ	53	Xóm Đại Lộc Hạ (53 hộ), Xóm Rào Hạ (63 hộ) và Xóm Rào Thượng (95 hộ)	Đại Thượng Hạ	211			
		Xóm Rào Hạ	63						
		Xóm Rào Thượng	95						
		Xóm Triều	121	Sáp nhập Xóm Triều (121 hộ), Đại Lộc Thượng (34 hộ) và Bích La Thượng (82 hộ)	Bích Lộc Triều	237			
		Đại Lộc Thượng	34						
		Bích La Thượng	82						
		Xóm Đùng	46	Sáp nhập Xóm Đùng (46 hộ), Xóm Bầu (48 hộ) và Xóm Hói (76 hộ)	Đùng Hói Bầu	170			
		Xóm Bầu	48						
		Xóm Hói	76						
		Phù Lưu	157	Sáp nhập thôn Phù Lưu (157 hộ) và Vệ Nghĩa (99 hộ)	Lưu Nghĩa	256			
Vệ Nghĩa	99								
Phương Ngạn	175	Giữ nguyên	Phương Ngạn	175					
Bích Khê	234	Giữ nguyên	Bích Khê	234					
7	Xã Triệu Giang	Tiền Kiên	36	Sáp nhập Tiền Kiên (36 hộ), Tà Kiên (36 hộ), Phước Mỹ (206 hộ) và Phù Áng (137 hộ)	Phú Mỹ Kiên	415			
		Tà Kiên	36						
		Phước Mỹ	206						
		Phù Áng	137	Giữ nguyên	Trà Liên Đông	161			
		Trà Liên Đông	161						
		Trà Liên Tây	694					Giữ nguyên	Trà Liên Tây

STT	Tên Đơn vị	Các thôn trước khi sáp nhập	Số hộ	Phương án sắp xếp, sáp nhập	Tên thôn, khu phố sau sáp nhập	Số hộ	Ghi chú
8	Xã Triệu Ái	Tân Phồ	128	Sáp nhập thôn Tân Phồ (128 hộ), Kiên Mỹ (48 hộ), Trảng Sỏi (6 hộ)	Tân Kiên	182	
		Kiên Mỹ	48				
		Trảng Sỏi	6				
		Trung Long	29	Sáp nhập Trung Long (29 hộ). Liên Phong (46 hộ) và Kiên Phước (56 hộ)	Kiên Phước	131	
		Liên Phong	46				
		Kiên Phước	56				
		Hà Xá	241				
		Ái Tử	621	Giữ nguyên	Ái Tử	621	
Nại Hiệp	155	Giữ nguyên	Nại Hiệp	155			
9	Xã Triệu Thành	Cổ Thành	395	Giữ nguyên	Cổ Thành	395	
		Hậu Kiên	92	Giữ nguyên	Hậu Kiên	92	
		An Tiêm	309	Giữ nguyên	An Tiêm	309	
		Tân Đức	277	Giữ nguyên	Tân Đức	277	
10	Xã Triệu Vân (Biên giới Biển)	Thôn 9	212	Sáp nhập thôn 9 (212 hộ) và thôn Sinh Thái (64 hộ)	Thôn 9	276	
		Thôn Sinh Thái	64				
		Thôn 7	242	Giữ nguyên	Thôn 7	242	
		Thôn 8	182	Giữ nguyên	Thôn 8	182	
11	Xã Triệu Trạch	Bồ Bản	79	Sáp nhập thôn Bồ Bản (79 hộ) và thôn An Trạch (122 hộ)	Đồng Tâm	201	
		An Trạch	122				
		Vân Tường	285	Giữ nguyên	Vân Tường	285	
		Lệ Xuyên	500	Giữ nguyên	Lệ Xuyên	500	
		Linh An	471	Giữ nguyên	Linh An	471	
		Long Quang	217	Giữ nguyên	Long Quang	217	
12	Thị trấn Ái Tử	Tiểu khu 1	200	Giữ nguyên	Tiểu khu 1	200	
		Tiểu khu 2	238	Giữ nguyên	Tiểu khu 2	238	
		Tiểu khu 3	274	Giữ nguyên	Tiểu khu 3	274	
		Tiểu khu 4	181	Sáp nhập Tiểu khu 4 (181 hộ) và Tiểu Khu 5 (67 hộ)	Tiểu khu 3	248	
		Tiểu khu 5	67				
		Tiểu khu 6	156	Giữ nguyên	Tiểu khu 6	156	

STT	Tên Đơn vị	Các thôn trước khi sáp nhập	Số hộ	Phương án sắp xếp, sáp nhập	Tên thôn, khu phố sau sáp nhập	Số hộ	Ghi chú
13	Xã Triệu Phước	An Cư	172	Sáp nhập thôn An Cư (172 hộ) và thôn An Cư Phường (30 hộ)	An Cư	202	
		An Cư Phường	30				
		Phước Lễ	77	Sáp nhập thôn Phước Lễ (77 hộ), Vĩnh Lại (196 hộ) và Nhu Lý (79 hộ)	Nam Phước	352	
		Vĩnh Lại	196				
		Nhu Lý	79				
		An Lợi	118	Sáp nhập thôn An Lợi (118 hộ) và thôn Hà Lộc (85 hộ)	An Hà	203	
		Hà Lộc	85				
		Hà La	94	Sáp nhập thôn Dương Xuân (94 hộ), Hà La (94 hộ) và Duy Phiên (128 hộ)	Bắc Phước	316	
		Dương Xuân	94				
		Duy Phiên	128				
		Việt Yên	150	Sáp nhập thôn Việt Yên (150 hộ) và Cao Hy (147 hộ)	Cao Việt	297	
		Cao Hy	147				
Lưỡng Kim	469	Giữ nguyên	Lưỡng Kim	469			
14	Xã Triệu Trung	Trung An	47	Sáp nhập thôn Trung An (47 hộ) và thôn Đạo Đầu (306 hộ)	Đạo Trung	353	
		Đạo Đầu	306				
		Mỹ Khê	49	Sáp nhập thôn Xuân Dương (129 hộ), Mỹ Khê (49 hộ) và Tam Hữu (124 hộ)	Xuân Tam Mỹ	302	
		Xuân Dương	129				
		Tam Hữu	124				
		Thanh Lê	131	Sáp nhập Thanh Lê (131 hộ) và Ngô Xá Tây (227 hộ)	Ngô Xá Thanh Lê	358	
		Ngô Xá Tây	227				
Ngô Xá Đông	345	Giữ nguyên	Ngô Xá Đông	345			
15	Xã Triệu Độ	Thôn Trung Yên	108	Sáp nhập thôn Trung Yên (108 hộ), An Gia (155 hộ) và Đồng Giám (9 hộ)	An Trung Đồng	272	
		Thôn An Gia	155				
		Thôn Đồng Giám	9				
		Thôn Xuân Thành	60	Sáp nhập thôn Quy Hà (229 hộ) và thôn Xuân Thành (60 hộ)	Xuân Quy	289	
		Thôn Quy Hà	229				
		Thôn Giáo Liêm	172	Sáp nhập thôn Giáo Liêm (172 hộ) và thôn Thanh Liêm (161 hộ)	Tân Liêm	333	
		Thôn Thanh Liêm	161				
		Thôn Gia Độ	461				
Thôn An Lợi	227	Giữ nguyên	Thôn An Lợi	227			

STT	Tên Đơn vị	Các thôn trước khi sáp nhập	Số hộ	Phương án sắp xếp, sáp nhập	Tên thôn, khu phố sau sáp nhập	Số hộ	Ghi chú
16	Xã Triệu Lăng (Biên giới Biên)	Thôn 3	211	Sáp nhập thôn 3 (211 hộ) và thôn 4 (93 hộ)	Thôn Ba Tư	304	
		Thôn 4	93				
		Thôn 1	256	Giữ nguyên	Thôn 1	256	
		Thôn 2	178	Giữ nguyên	Thôn 2	178	
		Thôn 5	224	Giữ nguyên	Thôn 5	224	
		Thôn 6	322	Giữ nguyên	Thôn 6	322	
17	Xã Triệu An (Biên giới Biên)	Thanh Xuân	21	Sáp nhập thôn Thanh Xuân (20 hộ) và thôn An Lợi (96 hộ)	An Xuân	104	
		An Lợi	83				
		Tường Vân	347	Giữ nguyên	Tường Vân	347	
		Phú Hội	372	Giữ nguyên	Phú Hội	372	
		Hà Tây	783	Giữ nguyên	Hà Tây	783	
18	Xã Triệu Tài	Bích La Hậu	72	Sáp nhập thôn Bích La Hậu (72 hộ) và Thâm Triều (150 hộ)	Đồng Tâm 1	222	
		Thâm Triều	150				
		Anh Tuấn	91	Sáp nhập thôn Anh Tuấn (91 hộ) và thôn Tả Hữu (153 hộ)	Đồng Tâm 2	244	
		Tả Hữu	153				
		An Hưng	183	Giữ nguyên	An Hưng	183	
		Tài Lương	160	Giữ nguyên	Tài Lương	160	
		Phú Liêu	179	Giữ nguyên	Phú Liêu	179	
		An Trú	356	Giữ nguyên	An Trú	356	
19	Xã Triệu Thuận	Thôn 1	135	Sáp nhập thôn 1 (135 hộ) và thôn 2 (138 hộ)	Võ Phúc An	273	
		Thôn 2	138				
		Thôn 3	258	Sáp nhập thôn 3 (258 hộ) và 1/2 thôn 4 (thôn Dương Lệ Đông trước đây 95 hộ)	Dương Lệ Đông	353	
		Thôn 4	95				
		Thôn 4	45	Sáp nhập 1/2 thôn 4 (thôn Đại Lộc A trước đây 45 hộ), thôn 5 (141 hộ) và thôn 6 (136 hộ)	Dương Đại Thuận	322	
		Thôn 5	141				
		Thôn 6	136				
		Thôn 7	208	Sáp nhập thôn 7 (208 hộ) và thôn 8 (110 hộ)	Dương Văn Lộc	318	
		Thôn 8	110				

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)



TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Phường, xã/ Thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
I	PHƯỜNG 1					
1	Khu phố 1	355	Giữ nguyên	Khu phố 1	355	
2	Khu phố 2	277	Giữ nguyên	Khu phố 2	277	
3	Khu phố 3	316	Giữ nguyên	Khu phố 3	316	
4	Khu phố 4	234	Giữ nguyên	Khu phố 4	234	
II	PHƯỜNG 2					
1	Khu phố 1	218	Giữ nguyên	Khu phố 1	218	
2	Khu phố 2	416	Giữ nguyên	Khu phố 2	416	
3	Khu phố 3	400	Giữ nguyên	Khu phố 3	400	
4	Khu phố 4	211	Giữ nguyên	Khu phố 4	211	
5	Khu phố 5	551	Giữ nguyên	Khu phố 5	551	
III	PHƯỜNG 3					
1	Khu phố 1	260	Giữ nguyên	Khu phố 1	260	
2	Khu phố 2	271	Giữ nguyên	Khu phố 2	271	
3	Khu phố 3	338	Giữ nguyên	Khu phố 3	338	
4	Khu phố 4	425	Giữ nguyên	Khu phố 4	425	
5	Khu phố 5	177	Giữ nguyên	Khu phố 5	177	
6	Khu phố 7	207	Giữ nguyên	Khu phố 7	207	
7	Khu phố 6	270	Giữ nguyên	Khu phố 6	270	
8	Khu phố 8	217	Giữ nguyên	Khu phố 8	217	

TT	Hiện trạng		Phương án sắp xếp, sáp nhập	Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
	Phường, xã/ Thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
IV	PHƯỜNG AN ĐÔN					
1	Khu phố 1	129	Sáp nhập khu phố 1 và khu phố 2	Khu phố 1	209	
2	Khu phố 2	80				
3	Khu phố 3	102	Sáp nhập khu phố 3, khu phố 4 và khu phố 5	Khu phố 3	210	
4	Khu phố 4	73				
5	Khu phố 5	35				
V	XÃ HẢI LỆ					
1	Thôn Tích tường	386	Giữ nguyên	Thôn Tích tường	386	
2	Thôn Như Lệ	420	Giữ nguyên	Thôn Như Lệ	420	
3	Thôn Tân Mỹ	132	Ghép cụm dân cư khu vực đội đánh cá vào thôn Tân Mỹ	Thôn Tân Mỹ	177	
4	Khu vực đội đánh cá	45				
5	Thôn Tân Lệ	59	Sáp nhập thôn Phước Môn và thôn Tân Lệ	Thôn Tân Phước	135	
6	Thôn Phước Môn	76				

PHƯƠNG ANH AN DÂN TỈNH SẮP NHẬP THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĨNH LINH
(Kế hoạch theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)



Phụ lục IX

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
I	Xã Vĩnh Lâm					
1	Thôn Tiên Mỹ 2	260	Sáp nhập thôn: Tiên Mỹ 2, Mỹ Điền	Thôn Tiên Mỹ 2	299	
2	Thôn Mỹ Điền	39				
3	Thôn Đặng Xá	169	Giữ nguyên	Thôn Đặng Xá	169	
4	Thôn Lâm Cao	204	Giữ nguyên	Thôn Lâm Cao	204	
5	Thôn Tiên Mỹ 1	344	Giữ nguyên	Thôn Tiên Mỹ 1	344	
6	Thôn Tiên Lai	109	Giữ nguyên	Thôn Tiên Lai	109	
7	Thôn Duy Viên	280	Giữ nguyên	Thôn Duy Viên	280	
8	Thôn Quảng Xá	242	Giữ nguyên	Thôn Quảng Xá	242	
II	Xã Vĩnh Sơn					
1	Thôn Tây Sơn	60	Sáp nhập thôn: Tây Sơn, Dục Đức	Thôn Minh Phước	122	
	Thôn Dục Đức	62				
2	Thôn Lê Xá	275	Giữ nguyên	Thôn Lê Xá	275	
3	Thôn Nam Sơn	271	Giữ nguyên	Thôn Nam Sơn	271	
4	Thôn Tiên An	239	Giữ nguyên	Thôn Tiên An	239	
5	Thôn Huỳnh Thượng	330	Giữ nguyên	Thôn Huỳnh Thượng	330	
6	Thôn Huỳnh Xá Hạ	218	Giữ nguyên	Thôn Huỳnh Xá Hạ	218	
7	Thôn Phan Hiền	425	Giữ nguyên	Thôn Phan Hiền	425	
III	Xã Vĩnh Thủy					
1	Thôn Thủy Ba Tây	501	Sáp nhập thôn: Thủy Ba Tây, 26/3	Thôn Thủy Ba Tây	541	
2	Thôn 26/3	40				

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
3	Thôn Linh Hải	149	Giữ nguyên	Thôn Linh Hải	149	
4	Thôn Đức Xá	517	Giữ nguyên	Thôn Đức Xá	517	
5	Thôn Thủy Ba Đông	318	Giữ nguyên	Thôn Thủy Ba Đông	318	
6	Thôn Thủy Ba Hạ	481	Giữ nguyên	Thôn Thủy Ba Hạ	481	
7	Thôn Kinh Tế Mới (Tân Thủy)	83	Giữ nguyên	Thôn Kinh Tế Mới (Tân Thủy)	83	
IV	Xã Vĩnh Long					
1	Thôn Hoà Lộ	97	Sáp nhập thôn: Hoà Lộ, Hoà Bình	Thôn Thượng Hòa	198	
2	Thôn Hoà Bình	101				
3	Thôn Thống Nhất	66	Sáp nhập thôn: Thống Nhất, Cây Sy (Si), Cầu Điện	Thôn Tân Lập	229	
4	Thôn Cây Sy (Si)	83				
5	Thôn Cầu Điện	80				
6	Thôn Gia Lâm	139	Giữ nguyên	Thôn Gia Lâm	139	
7	Thôn Phúc Lâm	168	Giữ nguyên	Thôn Phúc Lâm	168	
8	Thôn Sa Nam	174	Giữ nguyên	Thôn Sa Nam	174	
9	Thôn Sa Bắc	169	Giữ nguyên	Thôn Sa Bắc	169	
10	Thôn Hoà Nam	146	Giữ nguyên	Thôn Hoà Nam	146	
11	Thôn Trung Lập	157	Giữ nguyên	Thôn Trung Lập	157	
12	Thôn Nhà Tài	132	Giữ nguyên	Thôn Nhà Tài	132	
13	Thôn Xóm Mọi	157	Giữ nguyên	Thôn Xóm Mọi	157	
14	Thôn Quảng Xá	148	Giữ nguyên	Thôn Quảng Xá	148	
V	Xã Vĩnh Chấp					
1	Thôn Lai Bình	142	Sáp nhập thôn: Lai Bình, Mỹ Lộc, 52 hộ thôn Bắc Phú	Thôn Lai Bình	265	
2	Thôn Mỹ Lộc	71				
3	Thôn Bắc Phú	52				

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
4	Thôn Bình An	156	Sáp nhập thôn: Bình An, Tây Sơn, Tân Bình	Thôn Bình An	334	
5	Thôn Tây Sơn	114				
6	Thôn Tân Bình	64				
7	Thôn Cháp Đông	96	Sáp nhập thôn: Cháp Đông, Tây Trường, cụm Sa Lung thôn Bắc Phú	Thôn Cháp Lễ	252	
8	Thôn Tây Trường	114				
	Cụm Sa Lung thôn Bắc Phú	42				
9	Thôn Tân Định	175	Giữ nguyên	Thôn Tân Định	175	
10	Thôn Cháp Bắc	175	Giữ nguyên	Thôn Cháp Bắc	175	
11	Thôn Cháp Nam	156	Giữ nguyên	Thôn Cháp Nam	156	
VI	Xã Vĩnh Tú					
1	Thôn Tây 1	111	Sáp nhập thôn: Tây 1, Tây 2	Thôn Huỳnh Công Tây	182	
2	Thôn Tây 2	71				
4	Thôn Thủy Tú 1	106	Sáp nhập thôn: Thủy Tú 1, Thủy Tú 2	Thôn Thủy Tú	182	
5	Thôn Thủy Tú 2	76				
6	Thôn Thủy Tú Phường	107	Sáp nhập thôn: Thủy Tú Phường, Mỹ Duyệt	Thôn Phường Duyệt	204	
7	Thôn Mỹ Duyệt	97				
8	Thôn Đông Trường	100	Sáp nhập thôn: Đông Trường, Hạ Kè	Thôn Trường Kỳ	229	
9	Thôn Hạ Kè	129				
3	Thôn Tây 3	138	Giữ nguyên	Thôn Tây 3	138	
10	Thôn Tứ Chính	141	Giữ nguyên	Thôn Tứ Chính	141	
VII	Xã Vĩnh Tân					
1	Thôn An Du Nam 2	84	Sáp nhập thôn: An Du Nam 2, An Du Nam 3	Thôn An Du Nam 2	224	
2	Thôn An Du Nam 3	140				
3	Thôn An Du Nam 1	159	Giữ nguyên	Thôn An Du Nam 1	159	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
4	Thôn Cát	135	Giữ nguyên	Thôn Cát	135	
5	Thôn An Du Đông 1	175	Giữ nguyên	Thôn An Du Đông 1	175	
6	Thôn An Du Đông 2	281	Giữ nguyên	Thôn An Du Đông 2	281	
VIII	Xã Vĩnh Hiền					
1	Thôn Tân Đức	75	Sáp nhập thôn: Tân Đức, Tân Phúc	Thôn Phúc Đức	127	
2	Thôn Tân Phúc	55				
3	Thôn Tân Hoà	48	Sáp nhập thôn: Tân Hoà, Tân Bình	Thôn Hòa Bình	125	
4	Thôn Tân Bình	73				
5	Thôn Tân Ninh	73	Sáp nhập thôn: Tân Ninh, Nông Trường	Thôn Tân Trường	131	
6	Thôn Nông Trường	58				
7	Thôn Tân An	130	Giữ nguyên	Thôn Tân An	129	
8	Thôn Thái Mỹ	125	Giữ nguyên	Thôn Thái Mỹ	125	
IX	Xã Vĩnh Hà					
1	Bản Ba Buôi	44	Sáp nhập bản: Ba Buôi, Thù Công	Thôn Công Ba	127	
2	Bản Thù Công	83				
3	Bản Lâm Trường	92	Sáp nhập bản: Lâm Trường, Khe Tiên	Thôn Trường Tiên	119	
4	Bản Khe Tiên	27				
5	Bản Khe Trù	24	Sáp nhập bản: Khe Trù, Khe Ó (Khe Hó)	Thôn Khe Hó Trù	99	
6	Bản Khe Ó (Khe Hó)	75				
7	Bản Mới	60	Sáp nhập Bản Mới và Thôn Bãi Hà	Thôn Bãi Hà Mới	84	
8	Thôn Bãi Hà	24				
9	Thôn Rào Trường	135	Giữ nguyên	Thôn Rào Trường	135	
X	Xã Vĩnh Khê					

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
1	Thôn Đá Moọc	37	Sáp nhập thôn: Khe Cát, Đá Moọc	Thôn Khe Cát	98	
2	Thôn Khe Cát	61				
3	Thôn Khe Lương	72	Sáp nhập thôn: Khe Trầm, Khe Lương	Thôn Mới	104	
4	Thôn Khe Trầm	32				
5	Thôn Xung Phong	67	Sáp nhập thôn Xung Phong và Bến Mung	Thôn Xung Phong	95	
6	Thôn Bến Mung	28				
XI	Xã Vĩnh Ô					
1	Xóm Mới I	48	Sáp nhập: Xóm Mới I, Xóm Mới II	Thôn Xóm Mới	66	
2	Xóm Mới II	18				
3	Bản Xả Lơi	43	Giữ nguyên	Bản Xả Lơi	43	
4	Bản Xả Ninh	24	Giữ nguyên	Bản Xả Ninh	24	
5	Bản Cây Tăm	40	Giữ nguyên	Bản Cây Tăm	40	
6	Thôn Thúc	44	Giữ nguyên	Thôn Thúc	44	
7	Bản Lèn	84	Giữ nguyên	Bản Lèn	84	
8	Bản Mích	39	Giữ nguyên	Bản Mích	39	
XII	TT Bến Quan					
1	Khóm Ngã Tư	148	Sáp nhập Khóm Ngã Tư và Khóm Khe Cây	Khóm 1	235	
2	Khóm Khe Cây	87				
3	Thôn 9	51	Sáp nhập: Thôn 9, Khóm 2, Khóm 7	Khóm 2	214	
4	Khóm 2	96				
5	Khóm 7	67				
6	Thôn 3	98	Sáp nhập: Thôn 3, Thôn 8	Khóm 3	190	
7	Thôn 8	92				

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SẮP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
8	Thôn 4	40	Sáp nhập: Thôn 4, Khóm Ché Biển, Khóm 24 (204)	Khóm 4	205	
9	Khóm Ché Biển	63				
10	Khóm 24 (204)	102				
11	Thôn 5	186	Sáp nhập: Thôn 5, Khóm 11	Khóm 5	302	
12	Khóm 11	116				
XIII	TT Cửa Tùng					Biên Giới
1	Khu phố Hoà Lý	260	Sáp nhập khu phố: Hoà Lý và Quang Hải	Khu phố Hoà Lý Hải	305	
2	Khu phố Quang Hải	45				
3	Khu phố Thạch Trung	64	Sáp nhập khu phố: Thạch Trung, Thạch Nam	Khu phố Trung Nam	124	
4	Khu phố Thạch Nam	60				
5	Khu phố Thạch Bắc	58	Sáp nhập khu phố: Thạch Bắc, Thạch Bàn	Khu phố Bắc Bàn	122	
6	Khu phố Thạch Bàn	64				
7	Khu phố An Đức 1	185	Giữ nguyên	Khu phố An Đức 1	185	
8	Khu phố An Đức 2	165	Giữ nguyên	Khu phố An Đức 2	165	
9	Khu phố An Đức 3	187	Giữ nguyên	Khu phố An Đức 3	187	
10	Khu phố An Hoà 1	305	Giữ nguyên	Khu phố An Hoà 1	305	
11	Khu phố An Hoà 2	295	Giữ nguyên	Khu phố An Hoà 2	295	
XIV	TT Hồ Xá					
1	Khóm Thăng Lợi	139	Sáp nhập khóm: Thăng Lợi, Vĩnh Bắc	Khu phố 1	253	
2	Khóm Vĩnh Bắc	114				
3	Khóm 7	111	Sáp nhập khóm: 7, 8	Khu phố Hòa Phú	239	
4	Khóm 8	128				

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
5	Khóm Đoàn Kết	108	Sáp nhập khóm: Đoàn Kết, Vĩnh Quang	Khu phố 3	252	
6	Khóm Vĩnh Quang	144				
7	Khóm 2	107	Sáp nhập khóm: 2, 3	Khu phố Phú Thị Đông	203	
8	Khóm 3	96				
9	Khóm 1	112	Sáp nhập khóm: 1, 9	Khu phố 7	208	
10	Khóm 9	96				
11	Khóm Nam Hải	137	Sáp nhập khóm: Nam Hải, Hải Hòa, Hải Bình	Khu phố 8	345	
12	Khóm Hải Hoà	123				
13	Khóm Hải Bình	85				
14	Khóm Hải Tĩnh	142	Sáp nhập khóm: Hải Tĩnh, Hải Phúc, Hải Nghĩa	Khu phố 9	288	
15	Khóm Hải Phúc	55				
16	Khóm Hải Nghĩa	91				
17	Khóm 4	155	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố 4	155	
18	Khóm 5	280	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố 5	280	
19	Khóm 6	183	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố 6	183	
20	Khóm Hữu Nghị	242	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố Hữu Nghị	242	
21	Khóm Phú Thị	183	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố Phú Thị	183	
22	Khóm Thống Nhất	174	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố Thống Nhất	174	
23	Khóm Thành Công	183	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố Thành Công	183	
24	Khóm Lao Động	170	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố Lao Động	170	
25	Khóm Chợ Huyện	156	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố Chợ Huyện	156	
26	Khóm Vĩnh Tiến	202	Đổi khóm thành khu phố	Khu phố Vĩnh Tiến	202	
XV	Xã Vĩnh Thái					Biên Giới

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SÁP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
1	Thôn Mạch Nước	36	Giữ nguyên	Thôn Mạch Nước	36	
2	Thôn Thái Lai	214	Giữ nguyên	Thôn Thái Lai	214	
3	Thôn Tân Mạch	146	Giữ nguyên	Thôn Tân Mạch	146	
4	Thôn Thử Luật	145	Giữ nguyên	Thôn Thử Luật	145	
5	Thôn Đông Luật	96	Giữ nguyên	Thôn Đông Luật	96	
6	Thôn Tân Hoà	163	Giữ nguyên	Thôn Tân Hoà	163	
7	Thôn Tân Thuận	74	Giữ nguyên	Thôn Tân Thuận	74	
XVI	Xã Vĩnh Kim					Biên Giới
1	Thôn Thủy Nam	54	Giữ nguyên	Thôn Thủy Nam	54	
2	Thôn Thủy Trung	67	Giữ nguyên	Thôn Thủy Trung	67	
3	Thôn Thủy Bắc	94	Giữ nguyên	Thôn Thủy Bắc	94	
4	Thôn Đông	51	Giữ nguyên	Thôn Đông	51	
5	Thôn Tây	51	Giữ nguyên	Thôn Tây	51	
6	Xóm Sẻ (Sẻ)	59	Giữ nguyên	Xóm Sẻ (Sẻ)	59	
7	Thôn Hương Bắc	90	Giữ nguyên	Thôn Hương Bắc	90	
8	Xóm Rọc	70	Giữ nguyên	Xóm Rọc	70	
9	Xóm Bàu	72	Giữ nguyên	Xóm Bàu	72	
10	Xóm Nồng	73	Giữ nguyên	Xóm Nồng	73	
11	Thôn Hương Nam	75	Giữ nguyên	Thôn Hương Nam	75	
12	Xóm Xuân	73	Giữ nguyên	Xóm Xuân	73	
XVII	Xã Vĩnh Thạch					Biên Giới
1	Thôn Sơn Hạ	97	Giữ nguyên	Thôn Sơn Hạ	97	
2	Thôn An Cỏ	83	Giữ nguyên	Thôn An Cỏ	83	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
3	Thôn An Đông	59	Giữ nguyên	Thôn An Đông	59	
4	Thôn Sơn Thượng	55	Giữ nguyên	Thôn Sơn Thượng	55	
5	Xóm Bọc	103	Giữ nguyên	Xóm Bọc	103	
6	Thôn Khe Ba	85	Giữ nguyên	Thôn Khe Ba	85	
7	Thôn An Lễ	26	Giữ nguyên	Thôn An Lễ	26	
8	Thôn Động Sỏi	85	Giữ nguyên	Thôn Động Sỏi	85	
9	Thôn Hắc Hiền	68	Giữ nguyên	Thôn Hắc Hiền	68	
10	Thôn Vĩnh Móc	438	Giữ nguyên	Thôn Vĩnh Móc	438	
XVIII	Xã Vĩnh Giang					
1	Thôn Tân Trại 2	138	Giữ nguyên	Thôn Tân Trại 2	138	
2	Thôn Tân Mỹ	180	Giữ nguyên	Thôn Tân Mỹ	180	
3	Thôn Tân An	141	Giữ nguyên	Thôn Tân An	141	
4	Thôn Di Loan	205	Giữ nguyên	Thôn Di Loan	205	
5	Thôn Tân Trại 1	215	Giữ nguyên	Thôn Tân Trại	215	
6	Thôn Cổ Mỹ	332	Giữ nguyên	Thôn Cổ Mỹ	332	
7	Thôn Tùng Luật	345	Giữ nguyên	Thôn Tùng Luật	345	
XIX	Xã Vĩnh Nam					
1	Thôn Nam Hùng	226	Giữ nguyên	Thôn Nam Hùng	226	
2	Thôn Nam Cường	346	Giữ nguyên	Thôn Nam Cường	346	
3	Thôn Nam Phú	391	Giữ nguyên	Thôn Nam Phú	391	
XX	Xã Vĩnh Trung					
1	Thôn Mỹ Hội	92	Giữ nguyên	Thôn Mỹ Hội	92	
2	Thôn Thủy Trung	418	Giữ nguyên	Thôn Thủy Trung	418	

TT	HIỆN TRẠNG		Phương án sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố	KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP		Ghi chú
	TÊN ĐƠN VỊ/Tên thôn, khu phố	Số hộ		Tên thôn, khu phố mới	Số hộ	
3	Thôn Huỳnh Công Đông	233	Giữ nguyên	Thôn Huỳnh Công Đông	233	
XXI	Xã Vĩnh Hoà					
1	Thôn Hiền Dũng	391	Giữ nguyên	Thôn Hiền Dũng	391	
2	Thôn Hoà Bình	368	Giữ nguyên	Thôn Hoà Bình	368	
3	Thôn Đơn Duệ	353	Giữ nguyên	Thôn Đơn Duệ	353	
4	Thôn Linh Đơn	164	Giữ nguyên	Thôn Linh Đơn	164	
XXII	Xã Vĩnh Thành					
1	Thôn Hiền Lương	179	Giữ nguyên	Thôn Hiền Lương	179	
2	Thôn Liêm Công Tây	255	Giữ nguyên	Thôn Liêm Công Tây	255	
3	Thôn Liêm Công Phường	226	Giữ nguyên	Thôn Liêm Công Phường	226	
4	Thôn Liêm Công Đông	198	Giữ nguyên	Thôn Liêm Công Đông	198	
5	Thôn Tân Trại Thượng	298	Giữ nguyên	Thôn Tân Trại Thượng	298	